

Mục lục

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	4
1.	Rủi ro về kinh tế	4
2.	Rủi ro về pháp luật	4
3.	Rủi ro nguyên vật liệu	4
4.	Rủi ro tỷ giá hối đoái	5
5.	Rủi ro về tài chính	5
6.	Rủi ro khác	6
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	6
1.	Tổ chức niêm yết	6
2.	Tổ chức tư vấn niêm yết	6
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	6
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	7
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	7
1.1.	<i>Thông tin chung về công ty.....</i>	<i>7</i>
1.2.	<i>Quá trình tăng vốn của Nam Kim</i>	<i>8</i>
1.3.	<i>Giới thiệu về Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.....</i>	<i>11</i>
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	11
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	12
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ, cơ cấu cổ đông.....	15
4.1.	<i>Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên tại thời điểm 13/12/2010. ..</i>	<i>15</i>
4.2.	<i>Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim</i>	<i>16</i>
4.3.	<i>Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 13/12/2010.....</i>	<i>16</i>
5.	Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty tổ chức niêm yết đang giữ quyền kiểm soát, chi phối và những công ty giữ quyền kiểm soát, chi phối với tổ chức niêm yết.	17
6.	Hoạt động kinh doanh	17
6.1.	<i>Các nhóm sản phẩm chính của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim</i>	<i>17</i>
6.2.	<i>Sản lượng tiêu thụ qua các năm</i>	<i>19</i>
6.2.1.	<i>Doanh thu thuần sản phẩm, dịch vụ qua các năm</i>	<i>19</i>

6.2.2.	Lợi nhuận gộp từng nhóm sản phẩm qua các năm	20
6.3.	Nguyên vật liệu.....	22
6.3.1.	Nguồn nguyên vật liệu.....	22
6.3.2.	Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu.....	24
6.3.3.	Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận	24
6.4.	Chi phí sản xuất.....	25
6.5.	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	28
6.6.	Trình độ Công nghệ.....	28
6.6.1.	Quy trình sản xuất	28
6.6.2.	Trình độ Công nghệ.....	29
6.6.3.	Hình ảnh một số dây chuyền sản xuất chính của Công ty.....	29
6.7.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm.....	30
6.7.1.	Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng.....	30
6.7.2.	Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm.....	31
6.8.	Hoạt động Marketing	31
6.8.1.	Chiến lược sản phẩm.....	31
6.8.2.	Thị trường tiêu thụ.....	31
6.8.3.	Chính sách giá.....	32
6.8.4.	Marketing	32
6.9.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền.....	33
6.10.	Các Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết	33
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm.....	34
7.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Nam Kim trong năm báo cáo.....	34
7.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Nam Kim qua các năm	35
7.2.1	Thuận lợi	36
7.2.2	Khó khăn.....	37
8.	Vị thế của Nam Kim so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	37
8.1.	Vị thế của Nam Kim trong ngành.....	37

8.2.	<i>Triển vọng phát triển của ngành</i>	38
8.3.	<i>Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách nhà nước và xu thế chung trên thế giới.</i>	39
9.	Chính sách đối với người lao động	40
9.1.	<i>Số lượng người lao động trong Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.</i>	40
9.2.	<i>Chính sách đối với người lao động</i>	40
10.	Chính sách cổ tức	41
11.	Tình hình hoạt động tài chính	41
11.1.	<i>Các chỉ tiêu cơ bản</i>	41
11.2.	<i>Trích khấu hao tài sản cố định</i>	42
11.3.	<i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</i>	47
12.	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế Toán Trưởng	49
12.1.	<i>Công khai các khoản nợ của các thành viên HĐQT, BGD, BKS, KTT theo qui định</i> 49	
12.2.	<i>Lý lịch trích ngang các thành viên HĐQT, BTGD, BKS, KTT của Công ty</i>	49
13.	Tài sản Công ty	58
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010 - 2012	60
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	61
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	62
17.	Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán niêm yết. Không có.	62
V.	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	62
1.	Cổ phiếu niêm yết	62
2.	Giá niêm yết dự kiến:	64
3.	Phương pháp tính giá:	64
4.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	66
5.	Các loại thuế liên quan:	66
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT	67
VII.	PHỤ LỤC	67

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) vào cuối năm 2006, nền kinh tế Việt Nam từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới, đánh dấu sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam sẽ là nhân tố tích cực cho sự phát triển chung của nền kinh tế toàn cầu. Điều này cũng có nghĩa là sự biến động tăng trưởng hay suy thoái của nền kinh tế toàn cầu sẽ tác động trực tiếp đến sự ổn định kinh tế quốc gia. Diễn hình trong cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu giai đoạn năm 2008 và năm 2009, nền kinh tế Việt Nam chịu nhiều tác động nặng nề và trải qua những thách thức lớn như thất nghiệp gia tăng, tỷ lệ lạm phát tăng cao, khủng hoảng tín dụng, sự suy giảm của thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản bị đóng băng và nhiều vấn đề kinh tế khác.

Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế, giai đoạn cuối năm 2009, nền kinh tế thế giới phần nào đã thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng và dần khôi phục; đồng thời Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia sớm thoát khỏi cuộc khủng hoảng toàn cầu và có sự phục hồi kinh tế nhanh sau khủng hoảng. Điều này sẽ ảnh hưởng tích cực đến việc phát triển toàn ngành nói chung và ngành công nghiệp thép nói riêng.

Việc Chính phủ đề ra hàng loạt các chính sách điều chỉnh, hỗ trợ nền kinh tế như gói giải pháp kích cầu đầu tư, tiêu dùng mà Chính phủ đã và đang thực hiện, cùng với việc phê duyệt đầu tư 35 nghìn tỷ đồng vào xây dựng nhà ở xã hội năm 2009 - 2010, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ như hạ lãi suất cho vay, giãn nợ... đã giúp các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình xây dựng cơ bản, xây dựng nhà máy sản xuất... tác động trực tiếp đến sự phục hồi của thị trường thép.

Tóm lại, trong điều kiện nền kinh tế vĩ mô tăng trưởng ổn định sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Nam Kim. Ngược lại khi nền kinh tế khủng hoảng, suy thoái sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến toàn ngành nói chung và của Công ty nói riêng.

2. Rủi ro về pháp luật

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Văn bản dưới luật liên quan. Hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình điều chỉnh, hoàn thiện nên việc thay đổi, điều chỉnh sẽ ảnh hưởng nhất định đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của toàn ngành nói chung và của Công ty nói riêng.

3. Rủi ro nguyên vật liệu

Theo thống kê của Hiệp hội thép Việt Nam (VSA), nền kinh tế thế giới hồi phục mạnh mẽ từ nửa cuối 2009 và đầu 2010 đã thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ thép trong nước tăng cao, cùng với sự khan hiếm nguồn nguyên liệu luyện kim đã làm giá nguyên liệu và sản phẩm thép thế giới tăng cao trong thời gian qua (tăng từ 50-100% so với cùng kỳ 2009, riêng trong 3 tháng đầu

BẢN CÁO BẠCH

năm 2010 giá đã tăng từ 20 - 30%). Do sản xuất thép trong nước vẫn phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu (~70% thép vụn, 40 - 50% phôi thép phải nhập khẩu) nên giá thép trong nước cũng chịu tác động mạnh từ biến động giá thép thế giới, cũng như nguồn cung cấp nguyên liệu không ổn định khiến cho việc dự báo giá cả, nhu cầu tiêu thụ của thị trường để dự trù kế hoạch nhập khẩu, tồn kho và sản xuất, bán hàng của Công ty trở nên hết sức khó khăn. Điều này đã làm ảnh hưởng nhất định đến kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của công ty.

Chính vì vậy, để lường trước và có những biện pháp ứng phó kịp thời với những rủi ro về giá cả, nguồn cung cấp nguyên liệu, Công ty xác định phải luôn bám sát thị trường, xây dựng chiến lược kinh doanh và thực hiện kịp thời để vượt qua những rủi ro trên với chi phí thấp nhất. Xét về rủi ro đặc thù về giá cả, nguồn nguyên liệu là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng toàn cục đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty khi có biến động.

4. Rủi ro tỷ giá hối đoái

Nguyên liệu thép đầu vào của Công ty chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài, vì vậy việc thanh toán các hợp đồng nhập khẩu phải bằng ngoại tệ. Do đó, biến động tỷ giá sẽ là một rủi ro ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu nhập khẩu, từ đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong thời gian vừa qua, biến động kinh tế đã tác động tới tỷ giá hối đoái, giá vàng thế giới tăng kéo theo giá USD trong nước tăng ngược lại với xu thế của thế giới, gây ảnh hưởng đến những doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa, nguyên vật liệu từ nước ngoài, làm chi phí nguyên liệu tăng cao trong khi giá bán thành phẩm không đổi. Ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, bên cạnh chính sách nhập khẩu nguyên liệu, dự trữ hàng tồn kho hợp lý, chủ động cân đối nguồn ngoại tệ là một trong các yếu tố đúng đắn, linh hoạt của Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn duy trì quan hệ, uy tín tốt với các tổ chức tín dụng lớn nên nguồn vốn vay bằng ngoại tệ có thể hạn chế được những rủi ro này.

5. Rủi ro về tài chính

Đặc điểm của các Công ty kinh doanh trong ngành thép là vốn lớn và trường vốn, ngoài việc đảm bảo hoạt động kinh doanh hàng ngày, Công ty phải luôn có kế hoạch phát triển mở rộng qui mô sản xuất. Việc đầu tư sẽ phải sử dụng tiền vay của Ngân hàng với hạn mức cao. Vì vậy việc thay đổi về chính sách tiền tệ như tăng lãi suất cho vay sẽ tạo ra rủi ro về tài chính cho Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty cũng đã đa dạng hóa các kênh huy động vốn, trong đó việc huy động vốn thông qua kênh phát hành thêm cổ phiếu để cân đối cơ cấu tài chính công ty. Thực tế cho thấy hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty đã giảm từ 13,46 lần trong năm 2008 xuống còn 4,05 lần trong năm 2009. Hiện tại Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đang duy trì một cơ cấu tài chính an toàn nên rủi ro tài chính được hạn chế tối đa.

6. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn.v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức niêm yết**

Ông **HỒ MINH QUANG** Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Thép Nam Kim.

Bà **PHAN THỊ VÂN ANH** Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Thép Nam Kim.

Bà **NGUYỄN THỊ HUỆ** Kế toán trưởng Công ty Cổ Phần Thép Nam Kim.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn niêm yết

Ông **VÕ HỮU TUẤN** Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt kiêm Giám đốc Chi Nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty Cổ phần Thép Nam Kim. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thép Nam Kim cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM***Chữ viết tắt******Chữ đồng nghĩa***

Công ty

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

Tổ chức niêm yết

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

Nam Kim

Tên giao dịch của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

Nakisco

Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

ĐHĐCĐ

Đại hội đồng cổ đông

HĐQT

Hội đồng quản trị

BKS	Ban kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
BCTC	Báo cáo tài chính
SXKD	Sản xuất kinh doanh
HĐLĐ	Hợp đồng lao động

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung về công ty

- **Tổng quan về Công ty:** Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được thành lập vào năm 2002 với vốn điều lệ ban đầu là 60 tỷ đồng. Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh các loại tôn mạ kẽm và tôn kẽm mạ màu được ứng dụng trong các công trình xây dựng, công nghiệp, dân dụng, các ngành thủ công mỹ nghệ và trang trí nội thất. Nắm bắt được triển vọng phát triển của ngành thép trong tương lai, ngay thời điểm thành lập, Công ty đã tiến hành xây dựng nhà máy sản xuất với diện tích 42.545m² tại An Thạnh - Thuận An - Bình Dương.

Sản phẩm của Công ty được phân phối rộng rãi trên toàn lãnh thổ Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á. Xác định chiến lược phát triển bền vững của Công ty là luôn nâng cao chất lượng sản phẩm là yếu tố sống còn của doanh nghiệp. Nam Kim đã không ngừng cải tiến, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm để làm cơ sở phát triển bền vững, từng bước mở rộng thị phần trong nước và tìm kiếm thị trường xuất khẩu ra nước ngoài. Chỉ sau hơn 6 năm phát triển, Nam Kim đã khẳng định thương hiệu của mình, cũng như duy trì tốc độ phát triển thị phần rất cao tại thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu. Theo báo cáo của Hiệp hội Thép Việt Nam đến năm 2009, thị phần tôn của Nam Kim đứng thứ 7 trên toàn quốc. Đây là một nỗ lực rất lớn và khẳng định sự không ngừng lớn mạnh của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.

- **Hoạt động kinh doanh:** Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất các loại tôn thép như tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và kinh doanh sắt thép các loại.
- **Thị trường tiêu thụ:** Đa số sản phẩm được tiêu thụ ở thị trường trong nước với thị trường các tỉnh phía nam chiếm 51% trong cơ cấu doanh thu, thị trường miền bắc và miền trung lần lượt chiếm 30% và 19% trong cơ cấu doanh thu của Công ty.
- **Nguyên vật liệu:** Phần lớn nguyên vật liệu phục vụ cho việc sản xuất của Công ty như thép cán nguội và kẽm được nhập từ Trung Quốc, Nga, Úc do thị trường trong nước chưa cung cấp được (hoặc cung cấp được nhưng không đủ nguồn hàng và giá cả không cạnh

tranh). Sơn phủ màu được mua trong nước với hai nhãn hiệu chính là KCC và BECKER.

- **Năng lực sản xuất:** Công ty có một nhà máy sản xuất tôn với công suất thiết kế là 50.000 tấn tôn kẽm/năm và 35.000 tấn tôn màu/năm. Hiện tại, các dây chuyền sản xuất của Nam Kim đang hoạt động 100% công suất thiết kế để đáp ứng các đơn hàng theo yêu cầu của khách hàng.

1.2. Quá trình tăng vốn của Nam Kim

Thời điểm	Tăng thêm (Tỷ đồng)	Nguồn tăng	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Mục đích phát hành
Thành lập Công ty cổ phần ngày 23/12/2002			60	Hoạt động chính là sản xuất các loại tôn thép
- Lần 1: Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 27/11/2006	09	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.	69	Bổ sung vốn lưu động.
- Lần 2: Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 04/09/2007	2,1	Phát hành thêm cho cổ đông trong C.ty.	71,1	Cơ cấu lại nguồn vốn.
- Lần 3: Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 19/05/2009	78,9	Phát hành thêm cho cổ đông trong C.ty.	150	Mở rộng nhà xưởng và bổ sung vốn kinh doanh.
- Lần 4: Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 26/03/2010	50	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.	200	Tài trợ cho các dự án đầu tư và mở rộng SXKD.
- Lần 5: Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 12/05/2010	30	Chào bán riêng lẻ cho đối tác đầu tư và CBCNV chủ chốt trong Công ty.	230	Triển khai giai đoạn 2 dự án xây dựng nhà máy tại Đồng An, Bình Dương.

Ngày 15/09/2010 Công ty đủ điều kiện trở thành Công ty đại chúng với vốn điều lệ là 230 tỷ đồng.

Chi tiết quá trình tăng vốn của Nam Kim

❖ **Trước thời điểm Nam Kim trở thành Công ty đại chúng**

1. **Tăng vốn đợt 1 ngày 27/11/2006:** Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty ngày

27/11/2006. Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 69 tỷ đồng.

- Tổng số cổ phần phát hành: 9.000 cổ phần.
 - Mệnh giá: 1.000.000 đồng.
 - Tổng giá trị phát hành: 9.000.000.000 đồng.
 - Mục đích phát hành: Bổ sung vốn lưu động.
 - Đối tượng và phương thức phát hành: Cổ đông hiện hữu.
 - Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.
 - Thời điểm chốt danh sách: 20/12/2006.
 - Tỷ lệ phân phối: Mỗi cổ đông được mua thêm 3.000 cổ phần.
 - Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 9.000.000.000 đồng.
2. **Tăng vốn đợt 2 ngày 04/09/2007:** Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 04/09/2007, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 69 tỷ đồng lên 71,1 tỷ đồng.
- Tổng số cổ phần phát hành: 2.100 cổ phần.
 - Mệnh giá: 1.000.000 đồng.
 - Mục đích phát hành: Cơ cấu tài chính Công ty.
 - Đối tượng và phương thức phát hành: (1) Cổ đông hiện hữu (2) Phát hành cho cổ đông mới.
 - Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.
 - Thời điểm chốt danh sách: 11/09/2007
 - Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 2.100.000.000 đồng.
3. **Tăng vốn đợt 3 ngày 19/05/2009:** Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 19/05/2009, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 71,1 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng.
- Tổng số cổ phần phát hành: 78.900 cổ phần.
 - Mệnh giá: 1.000.000 đồng.
 - Mục đích phát hành: Bổ sung vốn kinh doanh.
 - Đối tượng và phương thức phát hành: Ông Hồ Minh Quang – TGD Công ty.
 - Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.
 - Ngày nộp tiền mua cổ phần: 03/06/2009
 - Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 78.900.000.000 đồng.
4. **Tăng vốn đợt 4 ngày 26/03/2010:** Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 26/03/2010,

Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng.


- Tổng số cổ phần phát hành: 5.000.000 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng.
- Giá phát hành: 15.000 đồng/ cổ phiếu.
- Mục đích phát hành: Tài trợ cho các dự án đầu tư và mở rộng hoạt động SXKD.
- Đối tượng và phương thức phát hành: phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ 3:1.
- Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.
- Thời điểm chốt danh sách: 06/04/2010
- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 75.000.000.000 đồng.

5. Tăng vốn đợt 5 ngày 12/05/2010: Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 12/05/2010, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 230 tỷ đồng.

- Tổng số cổ phần phát hành: 3.000.000 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng.
- Giá phát hành: 15.000 đồng/cổ phiếu.
- Mục đích phát hành: Tài trợ cho các dự án đầu tư và mở rộng hoạt động SXKD.
- Đối tượng và phương thức phát hành: (1) Chào bán riêng lẻ 2.800.000 cổ phần cho đối tác đầu tư với giá không thấp hơn giá trị sổ sách tại thời điểm chào bán. (2) Chào bán 200.000 cổ phiếu cho CBCNV chủ chốt trong Công ty với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Cụ thể như sau:
 - + Chào bán riêng lẻ 2.800.000 cổ phần cho đối tác chiến lược với giá từ 22.000 – 25.500 đồng/cổ phiếu.
 - + Số tiền thu được: 65.100.000.000 đồng.
 - + Chào bán 200.000 cổ phiếu cho CBCNV chủ chốt trong Công ty với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - + Số tiền thu được: 2.000.000.000 đồng
- Ngày kết thúc đợt phát hành: 06/08/2010
- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 67.100.000.000 đồng.
- Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

❖ **Sau thời điểm Nam Kim trở thành Công ty đại chúng:** Kể từ tháng 09 năm 2010, Công ty đủ điều kiện trở thành Công ty đại chúng và chưa thực hiện tăng vốn lần nào.

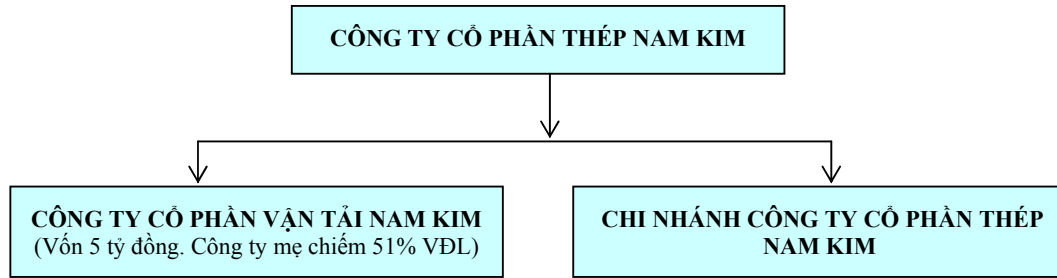
1.3. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thép Nam Kim
- Tên tiếng Anh: Nam Kim Steel Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Nakisco
- Logo của Công ty 
- Vốn điều lệ: 230.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tỷ đồng)
- Trụ sở chính: Đường N1, Cụm Sản xuất An Thạnh, Thị trấn An Thạnh, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: (84-650) 3748 848
- Fax: (84-650) 3748 849
- Website: www.nakisco.com.vn
- Giấy CNĐKKD số: 3700477019 (số cũ 4603000055) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 23/12/2002; Đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 06/08/2010.
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm, thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm từ thép cuộn;
 - + Mua bán sắt thép các loại;
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - + Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ;

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, các Văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

❖ **Công ty Cổ phần Vận tải Nam Kim**

- Địa chỉ: Đường N1, Cụm Sản xuất An Thạnh, Thị trấn An Thạnh, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0650 3748 848
- Fax: 0650 3748 849
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ: 51%
- Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; Xây dựng nhà các loại; Buôn bán sắt thép; Gia công khung kèo thép; Gia công cơ khí;

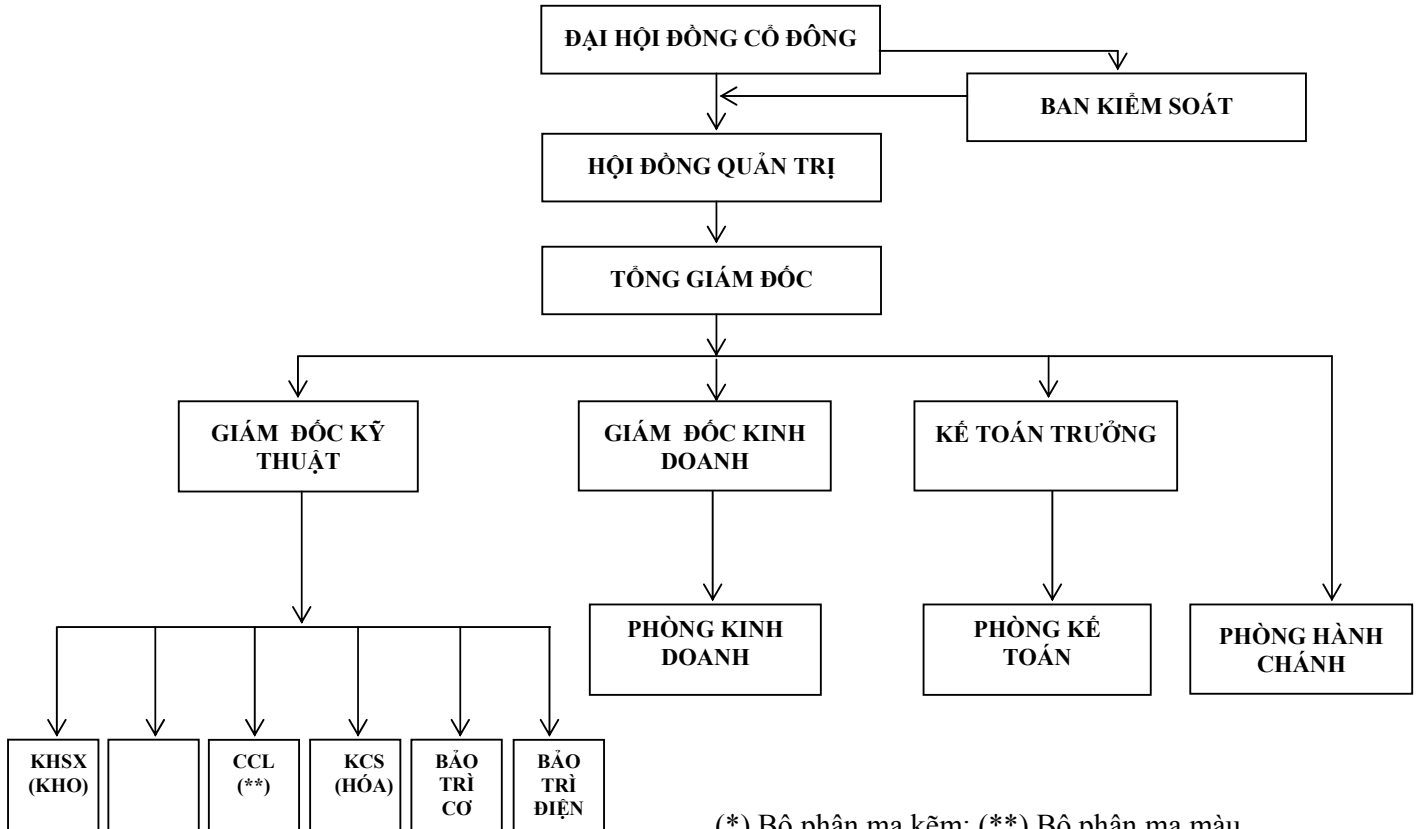
❖ **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Nam Kim**

- Địa chỉ: Lô B2.2, Lô B2.3, Đường D93, KCN Đồng An 2, Phường Hòa Phú, TX Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0650 748848
- Fax: 0650 748868
- Chi nhánh hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Các hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim tuân thủ Luật Doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26/03/2010 và là cơ sở chi phối mọi hoạt động của Công ty.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM



❖ **Diễn giải cơ cấu bộ máy quản lý Công ty**

• **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển của Nam Kim, thông qua báo cáo tài chính hàng năm báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên.
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT.
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm các thành viên HĐQT, BKS và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

• **Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, các thành viên HĐQT được ĐHĐCĐ bầu ra, đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên

BẢN CÁO BẠCH

quan đến mục đích, quyền lợi của Nam Kim, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Hiện tại HĐQT của Nam Kim có 05 thành viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm, nhiệm kỳ mỗi thành viên không quá 5 năm và thành viên Ban kiểm soát được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty theo qui qui của Pháp luật và Điều lệ của Công ty. Ban kiểm soát Công ty có 03 thành viên, nhiệm kỳ Ban kiểm soát là 5 năm, nhiệm kỳ mỗi thành viên không quá 5 năm và thành viên Ban kiểm soát được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành và có quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Hiện tại, Chủ tịch HĐQT của Công ty kiêm Tổng Giám đốc. Các Giám đốc phụ trách là người tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

- **Các phòng ban nghiệp vụ:**

Các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Tổng Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Công ty hiện có các phòng nghiệp vụ với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

Phòng Kinh doanh: gồm 02 bộ phận trực thuộc bao gồm bộ phận bán hàng, bộ phận Marketing và giải quyết khiếu nại của khách hàng.

Phòng kinh doanh có nhiệm vụ thực hiện quy trình nhận đặt hàng và giao dịch đối với tất cả các khách hàng; hỗ trợ và phát triển hệ thống khách hàng; chăm sóc khách hàng và theo dõi công nợ, thu thập, phân tích thông tin hàng hoá về nhu cầu thị trường, sức mua và khả năng cung cấp và thông tin cạnh tranh thị trường trong nước, nhu cầu thị trường, giá bán của các đối thủ cạnh tranh, tiếp nhận ý kiến phản hồi về sản phẩm từ khách hàng.

Phòng kinh doanh luôn phải cập nhật thông tin về thị trường, quản lý hàng hóa theo quy chế, quy định của Công ty, theo dõi, thống kê, tổng hợp báo cáo chính xác, định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu để Ban Tổng Giám đốc kịp thời có biện pháp chỉ đạo.

Phòng hành chính nhân sự: Tư vấn về thủ tục thực hiện các dự án kinh doanh của Công ty

BẢN CÁO BẠCH

phù hợp với quy định của pháp luật cũng như các vấn đề liên quan đến nhân sự, lao động của Công ty, quản lý và lưu trữ toàn bộ các tài liệu, công văn, giấy tờ, hồ sơ pháp lý của Công ty đồng thời thực hiện các chương trình phúc lợi, các chính sách liên quan đến người lao động. Theo dõi việc thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội – y tế cho CBCNV của Công ty. Xây dựng kế hoạch, đề xuất các chương trình vui chơi giải trí tập thể cho CBCNV trong Công ty, đảm bảo sử dụng quỹ phúc lợi hợp lý và có hiệu quả nhất. Tìm kiếm, tuyển dụng các ứng cử viên có năng lực vào các vị trí theo yêu cầu của Ban Giám đốc. Tư vấn cho Ban Giám đốc về các chính sách, chủ trương mới trong lĩnh vực lao động. Xây dựng, đề xuất các chương trình đào tạo, nâng cao trình độ và kỹ năng chuyên môn cho phòng ban thực hiện các hoạt động kinh doanh theo kế hoạch và mục tiêu đề ra.

Phòng Kế Toán: Tổ chức hạch toán kinh tế về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim; tổng hợp kết quả kinh doanh, lập báo cáo kế toán thống kê, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh để phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch của Công ty; Ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời và có hệ thống sự diễn biến các nguồn vốn phục vụ cho việc huy động nguồn lực hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; theo dõi đối chiếu số liệu công nợ của Công ty, phản ánh và đề xuất kế hoạch thu, chi tiền mặt và các hình thức thanh toán khác. Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về các chế độ quản lý tài chính, kế toán theo quy định.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ, cơ cấu cổ đông.

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên tại thời điểm 13/12/2010.

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD/ CMND	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trần Uyển Nhân	34/29 CMT8, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TPHCM	022799140	4.930.000	21,43%
2	Hồ Minh Quang	34/29 CMT8, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TPHCM	022537313	3.378.800	14,69%
3	Công ty TNHH Thép Trường Giang. Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Uyển Nhân	23 Hồ Đắc Di, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TPHCM	4102068963	1.800.000	7,83%
Tổng cộng				10.108.800	43,95%

Nguồn: Danh sách cổ đông NAKISCO

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

Stt	Cổ đông	Quyết định thành lập	Thời điểm thành lập Công ty cổ phần ngày 23/12/2002		Cổ phần sở hữu tại thời điểm 13/12/2010	
			VĐL: 60 tỷ đồng		VĐL: 230 tỷ đồng	
			CPSH (Phổ thông)	Tỷ lệ (%)	CPSH (Phổ thông)	Tỷ lệ (%)
1	Trương Thị Đơn	023132239	20.000	33,33%	0	0,00%
2	Huỳnh Tô Há	021645057	20.000	33,33%	0	0,00%
3	Trần Xảo cơ	012616925	20.000	33,33%	0	0,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông NAKISCO

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, sau 3 năm kể từ thời điểm thành lập 23/02/2005, đến ngày 23/02/2008 toàn bộ cổ phiếu của cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Thép Nam Kim sẽ được quyền tự do chuyển nhượng. Hiện tại cổ đông sáng lập của Nam Kim là 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ Công ty.

4.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 13/12/2010

Stt	Danh mục	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				cổ đông Tổ chức	cổ đông cá nhân
A	Vốn cổ phần:	23.000.000.000	100,00%	4	145
1	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	10.108.800	43,95%	1	2
2	Cổ đông sở hữu từ 1%-5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	12.050.000	52,39%	3	12
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	841.200	3,66%	0	131
4	Cổ phiếu quỹ	0	0%	0	0

Stt	Danh mục	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				cổ đông Tổ chức	cổ đông cá nhân
B	Trong đó:				
1	Vốn nhà nước	0	0%	0	0
2	Vốn nước ngoài	0	0%	0	0

Nguồn: Danh sách cổ đông NAKISCO

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty tổ chức niêm yết đang giữ quyền kiểm soát, chi phối và những công ty giữ quyền kiểm soát, chi phối với tổ chức niêm yết.

- Những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết: Không có.
- Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty khác:
 - + Tên Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Nam Kim
 - + Địa chỉ: Đường N1, Cụm Sản xuất An Thạnh, Thị trấn An Thạnh, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương
 - + Giấy CNĐKKD: Số 3701771567 đăng ký lần đầu ngày 27/08/2010
 - + Điện thoại: 0650 3748 848
 - + Fax: 0650 3748 849
 - + Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng
 - + Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim: 51% Vốn điều lệ
 - + Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; Xây dựng nhà các loại; Buôn bán sắt thép; Gia công khung kèo thép; Gia công cơ khí;

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Các nhóm sản phẩm chính của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

Hiện nay, sản phẩm dịch vụ cung ứng ra thị trường của Nam Kim gồm các nhóm chính sau:

- Tôn mạ kẽm.
- Tôn mạ màu.
- Tôn cán sóng.
- Hàng thương mại.
- Dịch vụ vận chuyển.

○ **Tôn mạ kẽm Nakizinc** là tôn mạ kẽm nhúng nóng, phủ kẽm 02 mặt, bề kẽm phải có thành phần kẽm nguyên chất tối thiểu là 99%, tuân thủ theo các yêu cầu kiểm tra của tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3302 (tiêu chuẩn Mỹ tương đương A653M) có khả năng chống ăn mòn vượt trội, khả năng kháng nhiệt hiệu quả, linh hoạt trong thiết kế và có tuổi thọ cao hơn nhiều so với thép mạ kẽm thông thường.

○ **Tôn mạ màu** là sản phẩm của Nam Kim ứng dụng công nghệ hàng đầu về sơn mạ trên nền hợp kim nhôm kẽm tạo cho sản phẩm có độ bền vượt trội. Sự sáng tạo công nghệ không ngừng đã giúp thép mạ màu tạo nên những chuẩn mực mới về chất lượng và khả năng chống ăn mòn cao hơn nhiều so với các sản phẩm thép mạ kẽm phủ sơn thông thường.

Các sản phẩm của Công ty hầu hết đều được sản xuất bằng thiết bị tự động hóa và công nghệ dây chuyền hiện đại của thế giới và khu vực nên chất lượng khá tốt, ít hao tổn nguyên vật liệu, giảm tỉ lệ sai hỏng và lỗi trong quá trình sản xuất.

Ngoài ra, Nam Kim hiện đang có ưu thế so với một số các doanh nghiệp cùng ngành khác về hoạt động thương mại do lợi thế về kho bãi và mối quan hệ lâu năm với các nhà cung cấp nước ngoài. Tỷ trọng doanh thu từ hoạt động thương mại trên tổng doanh thu tăng nhanh qua các năm. Đến năm 2009, doanh thu từ hoạt động thương mại của Nam Kim chiếm 60% tổng doanh thu do kinh tế thế giới hồi phục làm giá thép tăng nhanh. Các mặt hàng thương mại của Nam Kim chủ yếu là thép công nghiệp, thép cuộn cán nóng được nhập từ nước ngoài.

○ **Dịch vụ vận chuyển:** Trong năm 2009, Công ty có thêm nguồn doanh thu từ hoạt động vận chuyển hàng hóa. Đây là dịch vụ phụ trợ cho hoạt động bán hàng của Công ty nhằm cung cấp sản phẩm đến tận tay khách hàng với chi phí thấp. Vì thế, doanh thu từ hoạt động vận chuyển chiếm tỷ lệ nhỏ trên tổng doanh thu của Công ty.

Tuy nhiên, với mục đích cung cấp sản phẩm đến tận tay khách hàng với chi phí thấp nhất. Ngày 27/08/2010, Công ty Cổ phần Thép Nam Kim thành lập Công ty Cổ phần Vận tải Nam Kim để vận chuyển hàng hóa đến tay người tiêu dùng.

Một số hình ảnh sản phẩm tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và sản phẩm thương mại khác của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim



6.2. Sản lượng tiêu thụ qua các năm

6.2.1. Doanh thu thuần sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim các năm 2008, 2009 và 9 tháng đầu năm 2010 được thể hiện trong bảng sau:

- Cơ cấu doanh thu thuần theo nhóm sản phẩm năm 2008, 2009, 9 tháng năm 2010

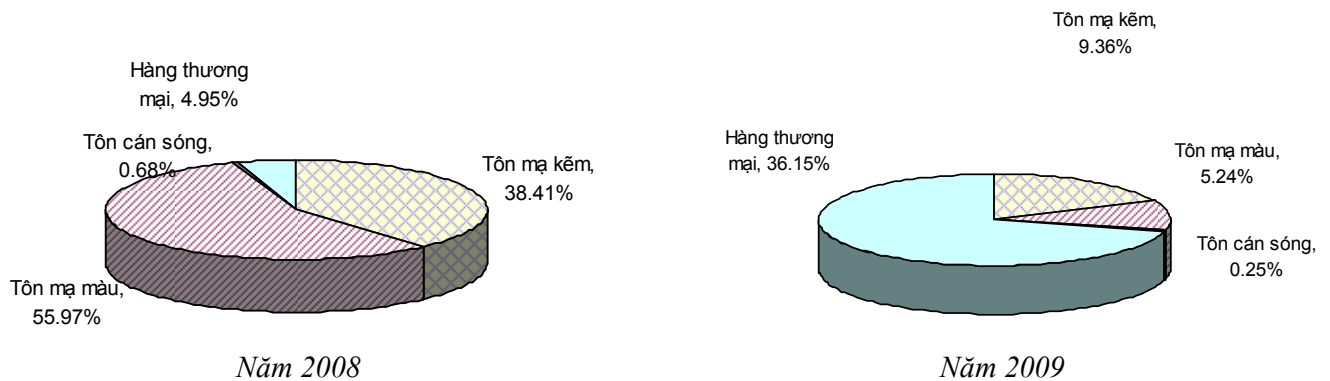
Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Tên sản phẩm	Năm 2008		Năm 2009		9T/2010	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1.	Tôn mạ kẽm	187.883	38,41%	133.542	9,36%	109.868	6,60%

Stt	Tên sản phẩm	Năm 2008		Năm 2009		9T/2010	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
2.	Tôn mạ màu	273.818	55,97%	774.181	54,24%	781.618	46,98%
3.	Tôn cán sóng	3.309	0,68%	3.611	0,25%	-	-
4.	Hàng thương mại	24.200	4,95%	516.081	36,15%	771.701	46,38%
5.	Dịch vụ vận chuyển	0	0%	69	0%	602	0,04%
Tổng cộng		489.210	100%	1.427.484	100%	1.663.789	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

Biểu đồ cơ cấu doanh thu thuần theo sản phẩm năm 2008, 2009



Doanh thu từ các sản phẩm sản xuất chính như tôn thép mạ kẽm, tôn mạ màu và sản phẩm thương mại đóng góp chủ yếu vào tổng doanh thu của toàn bộ công ty. Trong đó, doanh thu từ tôn mạ màu luôn chiếm tỷ lệ lớn hơn doanh thu từ tôn mạ kẽm. Tuy nhiên, trong năm 2009, do thị trường thép có nhiều biến động về giá cả, thuận lợi cho hoạt động thương mại, nên Nam Kim đã đẩy mạnh hoạt động thương mại để đem lại lợi nhuận cho Công ty. Kết quả là tỷ trọng doanh thu từ hoạt động thương mại trong năm 2009 tăng mạnh, chiếm hơn 36% tổng doanh thu của Công ty trong năm.

6.2.2. Lợi nhuận gộp từng nhóm sản phẩm qua các năm

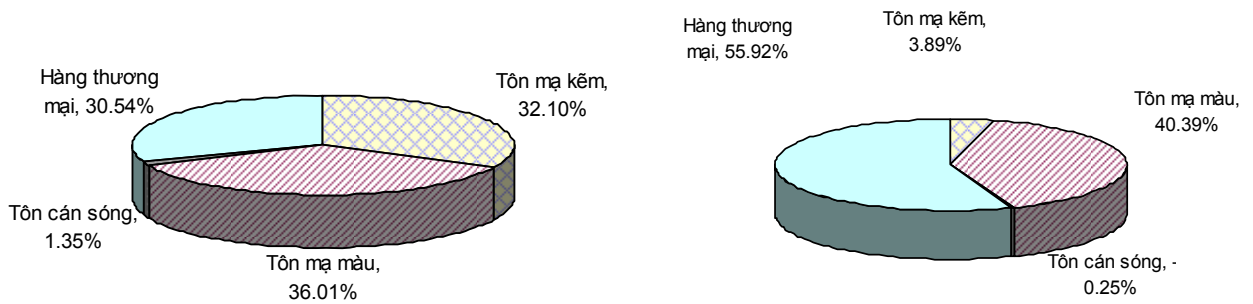
Lợi nhuận gộp từng nhóm sản phẩm của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim các năm 2008, 2009 và 9 tháng đầu năm 2010 được thể hiện trong bảng

- Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm năm 2008, 2009, 9 tháng năm 2010

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Tên sản phẩm	Năm 2008		Năm 2009		9T/2010	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1.	Tôn mạ kẽm	12.833	32,10%	5.199	3,89%	5.233	2,70%
2.	Tôn mạ màu	14.395	36,01%	53.989	40,39%	91.859	47,37%
3.	Tôn cán sóng	539	1,35%	-327	-0,25%	-	-
4.	Hàng thương mại	12.206	30,54%	74.724	55,92%	96.266	49,65%
5.	Dịch vụ vận chuyển	0	0%	69	0,05%	548	0,28%
Tổng cộng		39.973	100%	133.654	100%	193.906	100%

Biểu đồ cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm năm 2008, 2009



Năm 2008

Theo bảng cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2008, 2009 của Nam Kim, thép thương mại có sự chuyển dịch mạnh từ tôn mạ kẽm, mạ màu qua thép thương mại. Trong năm 2008 cơ cấu hàng thương mại chỉ đóng góp 30,54% tổng số lợi nhuận gộp thì sang 2009, tỷ trọng lợi nhuận gộp hàng thương mại đã tăng lên 55,92%. Điều này đã thể hiện rõ sự am hiểu về thị trường, nhạy bén và năng động của đội ngũ lãnh đạo Công ty, biết tận dụng thời cơ để mang lại lợi nhuận cho Công ty trong một năm giá thép đầy biến động.

6.3. Nguyên vật liệu

6.3.1. Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu cơ bản vẫn là các chủng loại thép cuộn thường, tôn cuộn, thép tấm và các vật tư phụ khác như kềm, sơn, nhiên liệu LPG... Hiện nay, nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu từ hai nguồn là nhập khẩu và nội địa.

- Nguồn nhập khẩu: chiếm khoảng 70% trên tổng lượng đầu vào của Công ty, chủ yếu là từ một số thị trường lớn trên thế giới có ngành công nghiệp thép phát triển như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Nga...
- Nguồn nội địa: chỉ chiếm khoảng 30% tổng sản lượng đầu vào toàn Công ty. Công ty thường nhập các nguyên liệu thép từ một số nhà cung cấp trong nước như: Công ty Cổ phần Thép Việt, Công ty CP Đầu Tư & Thương Mại SMC, Thép Hiệp thành Phúc, Hữu Liên Á Châu, Công ty TNHH Thép Posco Việt Nam... Ngoài ra các nguyên vật liệu khác như kềm, sơn, nhiên liệu hóa lỏng đều được cung cấp bởi các nhà cung cấp truyền thống và uy tín tại Việt Nam. Hiện tại, Công ty có trên 40 nhà cung cấp nguyên vật liệu chính, đây là những nhà cung cấp lớn, có thương hiệu và uy tín trên thị trường quốc tế.

Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty

Stt	Nguyên Liệu	Tên Nhà Cung Cấp	Quốc Gia
1	Thép cuộn các loại	Cty CP Hữu Liên Á Châu	Việt Nam
2	Thép cuộn các loại	HTX Cơ khí & TM 2-9	Việt Nam
3	Thép cuộn các loại	Cty TNHH Thép Việt Nga	Việt Nam
4	Thép cuộn các loại	Cty CP Đầu tư & TM SMC	Việt Nam
5	Thép cuộn các loại	Cty TNHH Thép SMC	Việt Nam
6	Thép cuộn các loại	Cty TNHH TM&DV Quang Mươi	Việt Nam
7	Thép cuộn các loại	Cty TNHH Posco Việt Nam	Việt Nam
8	Thép cuộn các loại	Cty CP SX&TM Thép Vạn Thành	Việt Nam
9	Thép cuộn các loại	Cty TNHH Thép Kỳ Đồng	Việt Nam
10	Thép cuộn các loại	Cty TNHH Posvina	Việt Nam
11	Thép cuộn các loại	Chi Nhánh Cty TNHH Ống Thép Hòa Phát	Việt Nam

Stt	Nguyên Liệu	Tên Nhà Cung Cấp	Quốc Gia
12	Thép cuộn các loại	Cty TNHH SX&TM Thép Việt Thành	Việt Nam
13	Thép cuộn các loại	Cty CP Kim Khí Long An	Việt Nam
14	Thép cuộn các loại	Asia United Int'l Trading Limited	Trung Quốc
15	Thép cuộn các loại	Novexco (Cypdrus) Ltd	Nga
16	Thép cuộn các loại	Synn Industrial Co Ltd	Đài Loan
17	Thép cuộn các loại	Nippon Steel Trading Co .Ltd	Nhật
18	Thép cuộn các loại	Hanwa Co.Ltd	Nhật
19	Thép cuộn các loại	Tianjin Huawu Trade Co . Ltd	Trung Quốc
20	Thép cuộn các loại	Yew Hing (Hong Kong) Holdings Co Ltd	Hồng Kông
21	Thép cuộn các loại	Csgt International Corporation	Đài Loan
22	Thép cuộn các loại	China Steel Global Trading Corporation	Trung Quốc
23	Thép cuộn các loại	Fortune Best Corp Ltd	Hồng Kông
24	Thép cuộn các loại	Safin Gulf Fzco	Ả Rập
25	Thép cuộn các loại	Stemcor Uk Limited	Anh
26	Thép cuộn các loại	Metal One Corporation	Nhật Bản
27	Kẽm các loại	Cty TNHH TM & Đầu tư Gia Kim	Việt Nam
28	Sơn các loại	Cty TNHH Becker Industrial Coatings VN	Việt Nam
29	Sơn các loại	Cty TNHH YUNG CHI PAINT & VARNISH MFG (VN)	Việt Nam
30	Sơn các loại	Công ty TNHH KCC (Việt Nam)	Việt Nam
31	Nhiên liệu- LPG	Cty TNHH Gas Petrolimex (Sài Gòn)	Việt Nam
32	Nhiên liệu- LPG	Cty TNHH Petronas (VN)	Việt Nam
33	Nhiên liệu- LPG	Cty TNHH Khí hóa lỏng Cội Nguồn (VN)	Việt Nam

Stt	Nguyên Liệu	Tên Nhà Cung Cấp	Quốc Gia
34	Nhiên liệu- FO	Cty XNK Vật tư kỹ thuật - REXCO FO	Việt Nam
35	Nhiên liệu- FO	Cty CP ĐT, TM & Dv Thời Trí	Việt Nam
36	Nhiên liệu- FO	Cty TNHH TM Quang Trung Tín	Việt Nam
37	Nhiên liệu- FO	Chi Nhánh Cty CP XD&TM Tổng Hợp	Việt Nam
38	Nhiên liệu- LN2	Cty TNHH 1 TV Hoi Kỹ nghệ Que Hàn	Việt Nam
39	Nhiên liệu- NH3	Cty CP FA	Việt Nam
40	Hóa chất các loại	Cty TNHH VN Parkerzing	Việt Nam
41	Hóa chất các loại	Cty TNHH TM SX DV Nguyên Giang	Việt Nam

Nguồn: Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

6.3.2. Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố cung – cầu của thị trường trong nước và nước ngoài cũng như định hướng phát triển của chính phủ đối với mặt hàng này. Đa phần nguồn cung cấp nguyên liệu nói trên đều là những nguồn từ các thị trường đầu vào truyền thống lâu năm của Công ty và là những Tập đoàn sản xuất thép lớn, hoạt động lâu năm và có uy tín trong nước và trên thế giới. Do đó, khi thị trường thế giới có biến động nhẹ thì nguồn cung này thường giữ được sự ổn định về số lượng cũng như giá cả.

Hiện nay, đối với nguyên liệu đầu vào quan trọng của ngành là phôi thép, năng lực sản xuất trong nước chỉ đáp ứng được 20% nhu cầu của cả nước, 80% lượng phôi thép phải nhập khẩu từ nước ngoài. Do đó, những biến động về giá cả, cung – cầu thép trên thế giới sẽ tác động rất lớn đến nguồn cung ứng nguyên vật liệu thép cho Việt Nam. Vì vậy, để ổn định được sự phát triển lâu dài của ngành thép cũng như nguồn cung ứng nguyên vật liệu cho các công ty trong ngành thì ngành thép nước ta phải chủ động được phôi thép. Trong thời gian tới, dự kiến một số nhà máy sản xuất phôi sẽ hoàn thành và đi vào sản xuất. Như vậy, trong tương lai, nguồn cung cấp thép trong nước nói chung và cho Nam Kim nói riêng sẽ ổn định hơn.

6.3.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Phần lớn nguyên vật liệu của Nam Kim là từ nguồn nhập khẩu (trong tình huống mua nguyên liệu từ các nhà cung cấp trong nước thì đa số cũng là hàng nhập khẩu bán lại cho Nam Kim), vì vậy sự biến động về giá thép trên thị trường quốc tế được xem là những nhân tố quan trọng hàng đầu ảnh hưởng tới giá nguyên liệu đầu vào của Công ty. Do đó, việc tăng

BẢN CÁO BẠCH

hay giảm giá nguyên vật liệu sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Nam Kim.

Thời gian vừa qua, Nam Kim luôn tạo được sự ổn định về đầu vào của nguyên vật liệu thép. Tuy nhiên, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm vật liệu xây dựng tăng cao cùng với một số nhân tố khác như sự đầu cơ của các quốc gia lớn, giá dầu thô trên thế giới tăng giảm bất thường, đã làm cho giá nguyên liệu thép trên thế giới biến động không ngừng, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Nam Kim. Để hạn chế những biến động này, Nam Kim đã đưa ra một số biện pháp nhằm khắc phục những biến động về số lượng cũng như giá cả nguyên vật liệu như:

- Chính sách tồn kho linh hoạt, đảm bảo khả năng sản xuất và kinh doanh liên tục trong khoảng 4-6 tháng tùy thuộc vào chu kỳ sản xuất của Công ty.
- Đối với nguyên vật liệu thép nhập khẩu, Nam Kim thường xuyên thu thập thông tin, thống kê dự báo và đánh giá để có chính sách dự trữ hợp lý, kịp thời. Hiện nay, việc nghiên cứu biến động giá nguyên vật liệu thép do phòng kinh doanh của Nam Kim đảm trách và được dự báo trên cơ sở thống kê giá nguyên liệu thép hàng tháng, hàng quý, hàng năm và những thông tin, nhận định của các chuyên gia trong nước và quốc tế. Ngoài ra, với việc là khách hàng lớn của các nhà cung cấp nước ngoài nên Nam Kim cũng thường xuyên được cung cấp thông tin về tình hình biến động nguyên liệu để giúp cho Công ty chủ động trong kế hoạch dự trữ nguyên liệu.

Một minh chứng cho sự hiệu quả của các biện pháp trên là thời điểm năm 2009, khi giá thép thế giới biến động không ngừng, tăng giảm bất thường thì Nam Kim luôn có kế hoạch tồn trữ, tiêu thụ, xuất nhập hàng hợp lý, tỷ trọng lợi nhuận từ hoạt động thương mại của năm này tăng cao, đóng góp phần lớn vào hiệu quả hoạt động của công ty trong năm 2009.

6.4. Chi phí sản xuất

Nam Kim thực hiện việc kiểm soát các chi phí thông qua việc kiểm soát toàn bộ quá trình mua hàng, bán hàng và quá trình sản xuất. Quy trình sản xuất, kinh doanh của Nam Kim được thiết lập cụ thể, chặt chẽ và đồng bộ, đảm bảo thực hiện công việc chính xác ở mọi khâu ngay từ ban đầu để ngăn ngừa phát sinh các sai sót, hư hỏng. Tất cả các sản phẩm sản xuất ra được Công ty Cổ phần Thép Nam Kim thực hiện kiểm soát theo từng ca, từng đơn vị sản phẩm (cả thành phẩm, phế phẩm,...) theo quy trình quản lý ISO phiên bản 9001:2000. Hàng tháng bộ phận Kế toán quản trị lập báo cáo kiểm soát chi phí sản xuất, báo cáo này được luân chuyển qua nhiều cấp khác nhau, từ kế toán trưởng đến Tổng giám đốc điều hành Công ty. Ngoài ra, do các dây chuyền sản xuất của Nam Kim đều sử dụng công nghệ tiên tiến của các nước phát triển trên thế giới nên mức tiêu hao nguyên vật liệu ở mức thấp, cũng như giảm thiểu được tỷ lệ sản phẩm hỏng, không đạt yêu cầu về kích thước cũng như chất lượng.

- Tỷ trọng các yếu tố chi phí của Nam Kim so với doanh thu thuần (Bảng 1):

Stt	Yếu tố chi phí	Năm 2008		Năm 2009		9T/2010	
		Giá trị (Triệu đồng)	% DTT	Giá trị (Triệu đồng)	% DTT	Giá trị (Triệu đồng)	% DTT
1	Giá vốn bán hàng	449.237	91,23%	1.293.828	90,24%	1.469.883	88,34%
2	Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0	0
3	Chi phí QLDN	9.012	1,83%	19.144	1,33%	14.881	0,89%
4	Chi phí tài chính	26.027	5,28%	40.903	2,86%	68.007	4,08%
Tổng cộng		484.276	98,34%	1.353.875	94,43%	1.552.771	93,31%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC hợp nhất 9 tháng năm 2010 của Nam Kim

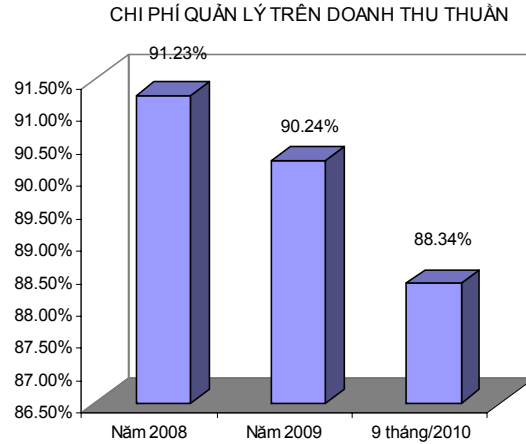
- Tỷ lệ tăng giảm chi phí so với năm trước (Bảng 2):

Stt	Yếu tố chi phí	Năm 2008		Năm 2009	
		Giá trị (Triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2007	Giá trị (Triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2008
1	Giá vốn bán hàng	449.237	+19,20%	1.293.828	188%
2	Chi phí bán hàng	0	0	0	0
3	Chi phí QLDN	9.012	+0,26%	19.144	112%
4	Chi phí tài chính	26.027	+40,50%	40.903	57,2%
Tổng cộng		484.276		1.353.875	

- Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trên doanh thu thuần là đặc thù của ngành thép do giá trị lớn. Trong những năm qua, Nam Kim không đầu tư vào hệ thống cửa hàng kinh doanh độc quyền mà bán thông qua kênh phân phối là các đại lý của Nam Kim khắp 03 miền Bắc – Trung – Nam. Vì thế, Nam Kim không có chi phí bán hàng (hay nói cách khác là chi phí không đáng kể nên được tính gộp vào chi phí quản lý doanh nghiệp). Về giá vốn hàng bán, điều đáng chú ý là tỷ trọng theo cơ cấu giá vốn hàng bán/doanh thu thuần giảm từ gần 91,23% trong năm 2008 xuống 90,24% trong năm 2009.

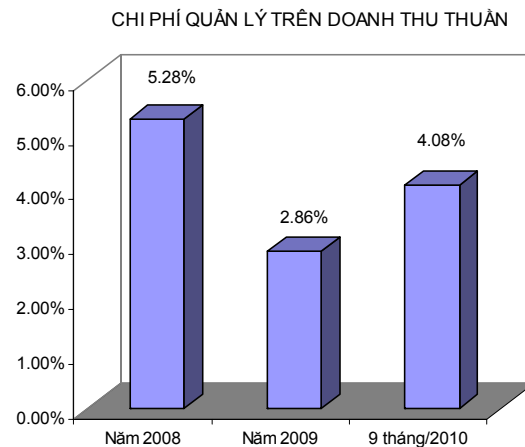
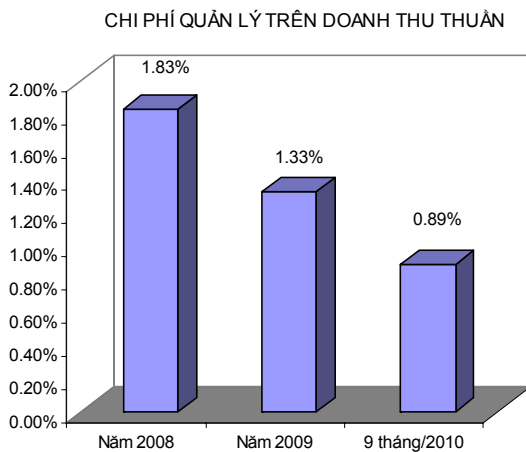
BẢN CÁO BẠCH

Nguyên nhân là do thời điểm khi thị trường thép tăng giá, Công ty bán sản phẩm ra ngoài với giá cao nhưng nguồn nguyên liệu đầu vào lại được nhập với giá thấp do Công ty đã có kế hoạch nhập hàng từ trước. Do đánh giá được xu thế giá thép sẽ tăng nên Công ty nhập thép nguyên liệu với giá tương đối thấp làm tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu giảm, nâng cao tỷ suất lợi nhuận của Công ty. Tại thời điểm 9 tháng đầu năm 2010, Chi phí giá vốn tăng 64,92% so với cùng kỳ năm trước do giá thép tăng nhẹ. Về dài hạn, Nam Kim luôn có những nhận định, đánh giá đúng đắn và có kế hoạch kinh doanh phù hợp về sự biến động giá, sức tiêu thụ của thị trường nên đã đem lại kết quả kinh doanh tốt cho Công ty. Đây là một trong những yếu tố quan trọng trong việc mang lại hiệu quả kinh doanh tốt của Công ty.



- Trong năm 2008 và năm 2009, tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu của Nam Kim giảm từ mức 1,83% doanh thu thuần xuống còn 1,33% do trong năm 2009, công ty đã đẩy mạnh bán hàng, dẫn đến doanh thu tăng mạnh (năm 2009 cao gấp 03 lần so với năm 2008) nên tỷ lệ tăng chi phí quản lý trong năm là ở mức hợp lý.

- Trong năm 2009, tất cả các yếu tố chi phí đều tăng mạnh so với năm 2008 (thể hiện ở bảng 2 mục này), trong đó: giá vốn hàng bán tăng 188% do công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 112% và chi phí tài chính tăng 57,2% do công ty đẩy mạnh vay vốn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Doanh thu của Công ty năm 2009 cũng tăng tương ứng, cao hơn rất nhiều so với năm 2008.



6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Trong lĩnh vực sản xuất Công ty không ngừng cải tiến, đa dạng hóa các chủng loại sản phẩm và cung cấp cho thị trường ngày càng nhiều các chủng loại sản phẩm mới như tấm lợp tôn mạ kẽm, mạ màu, phụ kiện, và trong tương lai gần là các loại ống từ chất liệu nhôm, tôn mạ màu, mạ kẽm tiên tiến để sản phẩm không bị lạc hậu so với nhu cầu thị trường.

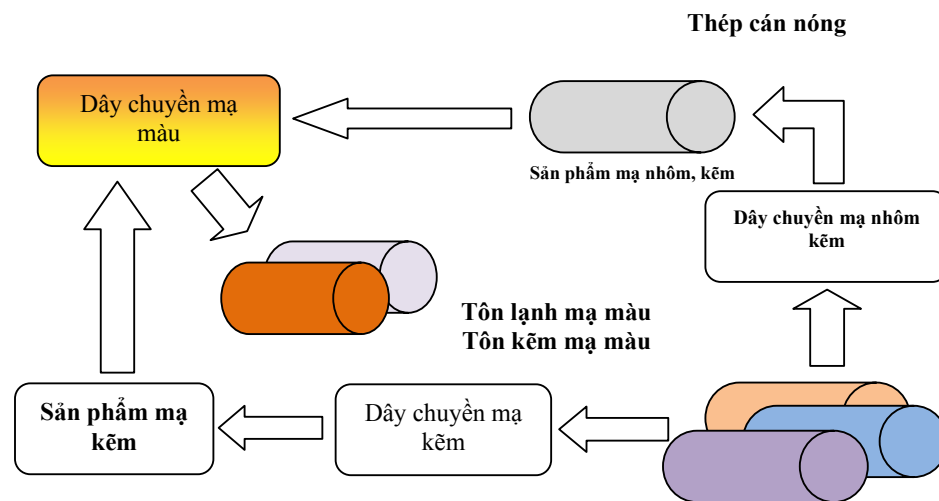
Hiện nay, Nam Kim vẫn không ngừng cải tiến quá trình chế tạo các sản phẩm cấu kiện thép theo các thiết kế tiện ích phù hợp với mọi nhu cầu đặc thù, không ngừng cải tiến và cung cấp cho thị trường các sản phẩm mới về tôn mạ, thép ống, thích hợp với mọi mục đích sử dụng và thị hiếu của khách hàng.

6.6. Trình độ Công nghệ

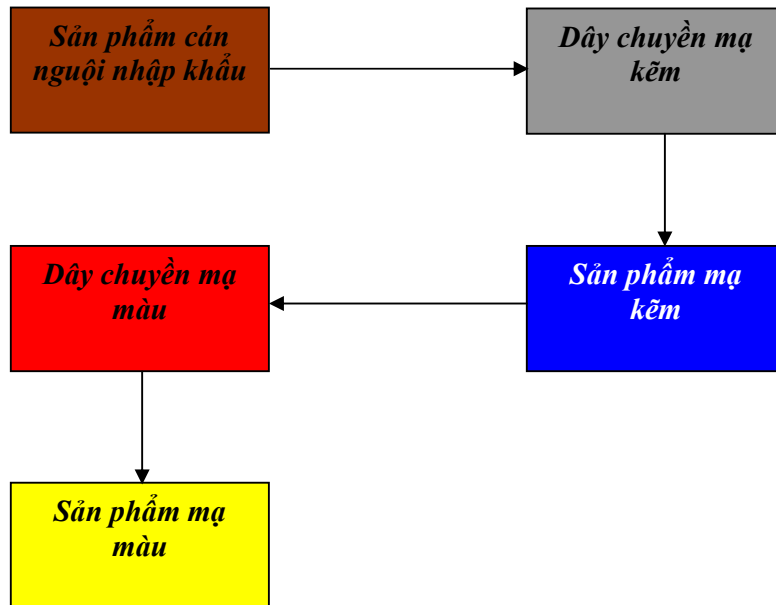
Hầu hết công nghệ dây chuyền sản xuất, chế tạo sản phẩm được Công ty đầu tư là các thế hệ công nghệ tiên tiến của thế giới và khu vực. Việc sử dụng thiết bị tự động hóa trong sản xuất đã làm cho sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt hơn, ít hao tổn nguyên vật liệu, sử dụng ít lao động, tiết kiệm chi phí nhân công, giảm tỉ lệ sai hỏng và lỗi trong quá trình sản xuất.

6.6.1. Quy trình sản xuất

Bằng công nghệ mạ nhúng nóng hiện đại, với quy trình sản xuất và kiểm tra nghiêm ngặt, sản phẩm tôn mạ của Nam Kim có tính năng chống ăn mòn tốt, bề mặt lớp mạ nhẵn mịn, màu sắc đa dạng hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu khắt khe nhất đối với thép lá mạ kẽm theo tiêu chuẩn về chất lượng cũng như đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng. Quy trình sản xuất tôn mạ có thể được tóm lược qua sơ đồ sau:



Sản phẩm cán nguội nhập khẩu



6.6.2. Trình độ Công nghệ

Hiện nay, những dây chuyền sản xuất sản phẩm của Nam Kim được Công ty đầu tư là các thế hệ công nghệ tiên tiến của thế giới và khu vực như dây chuyền sản xuất tôn mạ kẽm có tổng công suất 50.000 tấn sản phẩm/năm, dây chuyền tôn mạ màu với tổng công suất 35.000 tấn sản phẩm/năm, dây chuyền mạ lạnh ứng dụng công nghệ NOF, công nghệ mạ tiên tiến nhất trên thế giới đối với các sản phẩm tôn hiện nay, các dây chuyền sản xuất của Công ty đều được nhập từ tập đoàn POSCO của Hàn Quốc, đã khẳng định được tên tuổi và uy tín trên thị trường. Các sản phẩm của Nam Kim đang có lợi thế cạnh tranh rất lớn so với các doanh nghiệp khác cùng ngành nhờ vào dây chuyền sản xuất đồng bộ. Các dây chuyền được đầu tư công suất lớn, năng suất cao, tính năng hiện đại, quản lý quy trình sản xuất bằng hệ thống máy vi tính. Dây chuyền sản xuất của Nam Kim có mức độ tự động hoá cao, từ khâu đưa nguyên vật liệu đầu vào đến khi ra thành phẩm đều được thực hiện bằng hệ thống máy tự động, công nhân chỉ tham gia vào các công đoạn phụ như đưa nguyên liệu thô vào sản xuất và kiểm tra bán thành phẩm. Việc sử dụng thiết bị tự động hóa trong sản xuất đã làm cho sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt hơn, ít hao tổn nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí nhân công, giảm tỉ lệ sai hỏng và lỗi trong quá trình sản xuất.

6.6.3. Hình ảnh một số dây chuyền sản xuất chính của Công ty



6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

6.7.1. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Hiện nay, Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và ISO 14001:2004, do tổ chức ANAB và UKAS của Anh Quốc chứng nhận. Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 được Nam Kim thực hiện một cách nghiêm ngặt, thống nhất. Toàn bộ quy trình sản xuất kinh doanh của Nam Kim được quản lý chặt chẽ từ lúc đưa nguyên vật liệu vào sản xuất đến khi ra thành phẩm và cung ứng cho người tiêu dùng. Tất cả cán bộ công nhân viên của Nam Kim chịu trách nhiệm đối với công việc của mình cũng như được tạo điều kiện để chủ động tham gia vào các hoạt động cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Hệ thống quản lý chất lượng còn được thực hiện theo mô hình quản lý theo mục tiêu MBO (Management By Objectives), hoạt động của Nam Kim được đánh giá dựa trên nguyên tắc “Lợi nhuận tạo ra do giảm chi phí và tăng doanh thu”. Để thực hiện mô hình này, Nam Kim đã hoàn thiện chính sách chất lượng theo những chương trình hoạt động cụ thể như sau:

- Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ để đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của khách hàng trong và ngoài nước.

BẢN CÁO BẠCH

- Đảm bảo thực hiện tốt công tác đào tạo đội ngũ nhân viên, để nhân viên có đủ năng lực và kỹ năng cần thiết nhằm thực hiện tốt công việc được giao.
- Nam Kim luôn tìm kiếm cơ hội cải tiến chất lượng dịch vụ cung ứng, hướng đến các tiêu chí: an toàn, chính xác và hiệu quả.
- Sự phát triển bền vững của Nam Kim luôn gắn với lợi ích của khách hàng, không ngừng nâng cao lợi ích cho cán bộ công nhân viên và cho cổ đông.

Ngoài ra, Nam Kim đang dự định thực hiện đầu tư trang bị, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý hiện đại. Nam Kim đang chuẩn bị đầu tư vào chương trình hiện đại hoá công nghệ thông tin trong toàn Công ty Cổ phần bằng việc ứng dụng phần mềm ERP (Enterprise Resource Planning) - Quản trị nguồn lực doanh nghiệp trong toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh của Oracle và triển khai hệ thống bán hàng trên mạng diện rộng (WAN). Điều này hứa hẹn sẽ mang lại hiệu quả cho việc quản lý về thời gian cũng như sức lao động.

6.7.2. Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm

Nam Kim luôn đề ra mục tiêu thỏa mãn nhu cầu của khách hàng làm phương châm hoạt động của mình. Do vậy, tất cả các sản phẩm trước khi giao cho khách hàng được kiểm soát theo quy trình nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ASTM của Mỹ, AS của Úc, JIS của Nhật Bản,... Nam Kim cũng thành lập bộ phận Quản lý chất lượng để kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi kết thúc quy trình sản xuất và cung cấp sản phẩm ra thị trường bằng việc đo lường bởi các thiết bị đo lường tiêu chuẩn hiện đại, nhận dạng dấu hiệu sản phẩm đặc thù (các thông tin mô tả đặc tính của sản phẩm), bản chứng nhận chất lượng sản phẩm,... Vì thế, tất cả các sản phẩm của Nam Kim khi đến tay khách hàng luôn đảm bảo về chất lượng và được khách hàng tin cậy.

6.8. Hoạt động Marketing

6.8.1. Chiến lược sản phẩm

Sản phẩm thép mang thương hiệu Nam Kim đã được khẳng định về chất lượng đối với thị trường trong nước. Các sản phẩm hiện nay của Nam Kim đã đạt được những tiêu chuẩn về chất lượng, phong phú về chủng loại, đa dạng về kiểu dáng, mẫu mã, ... có thể đáp ứng một cách linh hoạt theo yêu cầu cụ thể của từng khách hàng.

Nam Kim luôn hướng đến việc tìm kiếm những cơ hội phát triển mới nhưng vẫn duy trì những tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng, đặt mục tiêu chất lượng lên hàng đầu.

6.8.2. Thị trường tiêu thụ

Hiện nay, thị trường tiêu thụ sản phẩm của Nam Kim tập trung chủ yếu ở miền Đông Nam Bộ, Miền Tây Nam Bộ, Tây Nguyên và Miền Trung và cả miền Bắc (trong đó miền Trung chiếm 19% thị phần, miền Bắc chiếm 30% thị phần). Nam Kim hiện đang đẩy mạnh hơn nữa

việc tiêu thụ sản phẩm Công ty tại thị trường phía Bắc bằng cách xây dựng và tìm kiếm các đối tác phân phối sản phẩm tại khu vực này, hoàn thiện hệ thống phân phối trên toàn lãnh thổ Việt Nam, tiến tới xuất khẩu tới các nước trong khối ASEAN và trên thế giới.

6.8.3. Chính sách giá

Với máy móc hiện đại và đa phần là mới đầu tư, sản phẩm do Nam Kim sản xuất luôn đạt chất lượng cao và đạt được các tiêu chuẩn về chất lượng. Trong những năm qua, với việc chủ động nguồn nguyên vật liệu thông qua việc tăng hàng tồn kho, tiết kiệm tối đa những tiêu hao trong quá trình sản xuất, cộng với việc sản xuất kinh doanh khép kín của Nam Kim, từ khâu nguyên liệu sản xuất đầu vào, sản xuất, cho đến công đoạn bán cho khách hàng đều do Nam Kim đảm nhận, nên giá bán của các sản phẩm của Công ty luôn có giá cạnh tranh hơn so với các đối thủ khác trong cùng ngành.

Việc sản xuất kinh doanh khép kín giúp Nam Kim có thể áp dụng chính sách giá linh hoạt giữa các đối tác phân phối và các đối tượng khách hàng. Hệ thống kho bãi lớn, sự hiểu biết sâu rộng của ban lãnh đạo Công ty về thị trường thép trong nước và thế giới, chủ động trong việc nhập nguyên liệu tồn kho trong lúc giá thấp giúp Nam Kim giảm thiểu được rủi ro ngay cả khi giá cả sản phẩm đầu ra biến động theo chiều hướng xấu, đây có thể coi là một trong những lợi thế cạnh tranh chính của Nam Kim so với các Công ty khác sản xuất các sản phẩm từ nguyên liệu thép khác ở Việt Nam.

6.8.4. Marketing

Nam Kim rất chú trọng đến việc áp dụng chiến lược marketing cho từng thị trường, từng khu vực. Công ty đã đưa ra các chính sách giảm giá theo vùng, củng cố thị trường hiện tại, phát triển mở rộng các thị trường mới để xác định đối thủ cạnh tranh và thị phần cung cấp. Hiện nay, thị trường của Công ty được chia thành 03 phân đoạn chính.

- Phân đoạn thị trường thương mại thuần túy: bán buôn cho các đơn vị thương mại cùng ngành trên toàn quốc với chính sách kênh phân phối sơ cấp và giá bán ưu đãi.
- Phân đoạn thị trường cung cấp trực tiếp cho các đơn vị sản xuất: bán hàng tới tận nơi đơn vị sản xuất, các xưởng công nghiệp cần đến sản phẩm của công ty.
- Phân đoạn thị trường cung cấp cho các dự án: tham gia đấu thầu cung cấp bao tiêu vật tư cho toàn bộ hoạt động của các dự án ngay trong giai đoạn tiền khả thi, khả thi, thi công và hoàn thiện đi vào sử dụng.

Công ty không ngừng mở rộng việc tiêu thụ sản phẩm trên mọi kênh: bán hàng trực tiếp, trực tuyến tại website, qua sàn giao dịch điện tử hàng ngày trên cơ sở nhận biết nhu cầu và tiến hành phục vụ, không ngừng mở rộng thị trường và gia tăng thị phần. Ngoài ra, Nam Kim cũng chú trọng vào việc quảng bá thương hiệu thông qua các phương tiện như: website, sàn giao dịch thép, truyền hình... nhằm định vị hình ảnh và sản phẩm của Công ty đối với công chúng, không ngừng củng cố thương hiệu Thép Nam Kim thành một thương hiệu mạnh.

6.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền

Thương hiệu và Logo của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đã được đăng ký bản quyền, và được cấp giấy chứng nhận số: 99639 do Cục Sở Hữu Trí Tuệ thuộc Bộ Khoa Học và Công nghệ cấp.

Logo của công ty:

**6.10. Các Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết**

Tên HĐ	Ký hiệu	Trị giá (đồng)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng
BÁN	8/HĐ/10057	8.910.845.000	Tháng 04/2010	Tôn mạ kẽm	Cty CP Hữu Liên Á Châu
BÁN	8/HĐ/10027	9.920.000.000	Tháng 03/2010	Thép cuộn cán nóng	Cty TNHH Thép Việt Nga
BÁN	8/HĐ/10028	20.234.618.000	Tháng 03/2010	Thép cuộn cán nóng	Cty TNHH Tín Thịnh Phát
BÁN	8/HĐ/10047	2.367.768USD	Tháng 04/2010	Thép tấm cán nóng	SAFIN GULF FZCO
BÁN	8/HĐ/10023	5.390.012.000	Tháng 02/2010	Tôn mạ kẽm	Cty TNHH SX TM Nguyễn Minh
BÁN	8/HĐ/10061	17.960.160.000	Tháng 04/2010	Thép cuộn cán nóng	Cty CP TM XNK Thiên Nam
MUA	7/HĐ/10015	3.270.000USD	Tháng 02/2010	Thép cuộn cán nguội	HANGZHOU COGENERATION Co.,LTD
MUA	7/HĐ/10044	10.484.745.480	Tháng 03/2010	Thép cuộn	Cty TNHH Tân Nghệ An
MUA	7/HĐ/10012	7.747.733.000	Tháng 01/2010	Thép cuộn cán nguội	CN Cty TNHH Ống Thép Hòa Phát

Nguồn: Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Nam Kim trong năm báo cáo

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Tăng, giảm so với năm 2008	9T/2010
1	Tổng giá trị tài sản	304.173	884.531	+190%	1.243.809
2	Doanh thu thuần	489.210	1.427.484	+192%	1.663.789
3	Lợi nhuận từ HĐKD	5.062	76.486	+1.411%	115.925
4	Lợi nhuận khác	63	290	+360%	-100
5	Lợi nhuận trước thuế	5.126	76.776	+1.397%	115.824
6	Lợi nhuận sau thuế	5.126	74.317	+1.350%	101.331
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	N/A	20,18%	N/A	N/A
8	Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ (MG:10.000 đồng)	N/A	10,00%	N/A	N/A

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC hợp nhất 9 tháng năm 2010 của Nam Kim

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008 và 2009 như sau:

- Khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2008 là 50.058.560.191 đồng, chiếm tỷ lệ 70,41% vốn góp, chi tiết như sau:

LỖ LŨY KẾ VÀO NGÀY 31/12/2008	Đơn vị tính: đồng
Lỗ lũy kế từ khi thành lập đến 31/12/2006	- 61.282.159.173
Lãi trong năm 2007	5.192.451.677
Lãi trong năm 2008	5.125.893.997
Chi khen thưởng năm 2007 & 2008	- 536.358.148
Điều chỉnh theo quyết toán thuế 2006	1.441.611.456
CỘNG	- 50.058.560.191

Kể từ lúc Công ty đi vào hoạt động kinh doanh vào đầu năm 2003, do nhiều yếu tố không thuận lợi tác động như thị trường cung cấp sản phẩm của Công ty còn hạn chế, chi phí sản xuất cao, giá thép biến động bất thường,... nên tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty

gặp nhiều khó khăn, dẫn đến việc lỗ lũy kể từ khi thành lập đến 31/12/2006 là - (âm) 61.282.159.173 đồng. Theo số liệu báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008 như sau:

- Tại ngày 31/12/2008, khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 83.779.801.064 đồng, hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn) là 0,63 lần. Hệ số này là thấp so với mức an toàn là +1, ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của Công ty. Để đảm bảo về an toàn tài chính, cũng như chuẩn bị mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty trong tương lai. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 19/05/2009 của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim thống nhất thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 71,1 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng để mở rộng nhà xưởng tại khu đất trống trong khuôn viên Công ty. Phần vốn tăng thêm là 78,9 tỷ đồng được chào bán cho Ông Hồ Minh Quang.

Do Nam Kim đã tăng cường vay vốn ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của công ty trong năm 2009 nên tài sản ngắn hạn của công ty tăng vọt từ mức 146 tỷ năm 2008 lên 742 tỷ năm 2009, dẫn đến tổng tài sản của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim tăng 190% so với năm 2008.

Doanh thu thuần năm 2009 của Nam Kim tăng 192%, mặc dù đây vẫn là một năm khó khăn của cả nền kinh tế nói chung và của ngành thép nói riêng khi nền kinh tế cả nước đang mới dần bước ra khỏi cuộc khủng hoảng năm 2008. Điều này chứng tỏ năng lực sản xuất và kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được nâng cao, đáp ứng được nhu cầu sản phẩm của khách hàng. Doanh thu tăng và các chi phí được kiểm soát hợp lý làm lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Nam Kim tăng 1.411%, dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Nam Kim tăng 1.350%. Ngoài lý do nêu trên, sở dĩ lợi nhuận của công ty có bước tăng trưởng tăng vọt như trên là do năm 2008 là năm khó khăn, nên hiệu quả hoạt động của Nam Kim chỉ dừng ở mức 5,126 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.

Năm 2009, tất cả các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh đều tăng mạnh do hoạt động của công ty năm 2009, doanh nghiệp đã chú trọng hơn đến hoạt động thương mại. Các phòng ban của công ty cũng hoạt động hiệu quả hơn, công tác dự báo giá cả thép thế giới, biến động thị trường đã chuyên sâu và chính xác hơn, giúp lãnh đạo Nam Kim đưa ra được những quyết định sáng suốt và đúng đắn, góp phần vào sự tăng trưởng nhảy vọt của Công ty.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Nam Kim qua các năm

Với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên Công ty Cổ phần Thép Nam Kim trong việc hoàn thiện hơn hệ thống quản lý, mở rộng thị trường tiêu thụ, tìm kiếm thêm các đối tác và khách hàng mới, tiết kiệm chi phí hoạt động kinh doanh làm cho Nam Kim có sự tăng trưởng trong năm 2008 đến 2009, cụ thể như sau:

- Tổng tài sản: tổng tài sản của Công ty năm 2009 tăng 190% so với năm 2008.
- Doanh thu: Doanh thu thuần năm 2009 tăng 192% so với năm 2008.

BẢN CÁO BẠCH

Doanh thu của Nam Kim tăng chủ yếu là do Công ty đã có chính sách đẩy mạnh hiệu quả hoạt động ở các đại lý bán hàng, tăng cường công tác quảng bá sản phẩm, chính sách ưu đãi tốt đối với các đại lý đã mang lại hiệu quả cao. Từ năm 2007 đến năm 2009, Nam Kim đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần bình quân mỗi năm khoảng 91,16% (từ mức 390.629 triệu đồng doanh thu thuần năm 2007 lên mức 1.427.484 triệu đồng doanh thu thuần năm 2009), đây là một tốc độ tăng trưởng khá cao, để có được tốc độ tăng trưởng cao như vậy, là kết quả từ hoạt động đầu tư thường xuyên, liên tục những dây chuyền sản xuất hiện đại nhằm gia tăng năng lực sản xuất hàng năm của Nam Kim. Riêng năm 2009, doanh thu của Nam Kim tăng gần gấp ba so với năm 2008 do công ty đẩy mạnh hoạt động thương mại.

- Lợi nhuận sau thuế: do việc chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào thông qua việc tăng trữ lượng hàng tồn kho và tận dụng tốt công suất của máy móc thiết bị hiện đại, Nam Kim cũng đã kiểm soát tốt các chi phí đầu vào nên đã giảm thiểu đáng kể tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu năm 2009 so với năm 2008. Việc tăng trưởng mạnh về doanh thu và giảm thiểu được chi phí làm lợi nhuận sau thuế năm 2009 tăng 1.350% so với năm 2008.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Nam Kim trong năm 2009 có sự chuyển biến tích cực so với năm 2008 và năm 2007 là do những nhân tố sau:

7.2.1 Thuận lợi

- Tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam: tỷ lệ tăng trưởng GDP trong năm 2006 đạt 8,16%, 2007 đạt 8,48%, năm 2008 đạt 6,23% và GDP năm 2009 đạt 5,32%. Sự tăng trưởng này kéo theo nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm thép của Nam Kim. Nói cách khác, khi nền kinh tế Việt Nam phát triển thì nhu cầu về xây dựng nhà ở, khu công nghiệp, nhà xưởng, cầu đường là rất lớn, đã kéo theo sự tăng trưởng trong nhu cầu về sản phẩm thép của Nam Kim.

- Ngoài ra, việc gia nhập WTO mở ra nhiều cơ hội mới cho ngành thép trong nước nhưng đồng thời cũng dẫn đến sự cạnh tranh trong ngành sẽ ngày càng gay gắt. Như vậy để đứng vững được trên thị trường, Nam Kim đã không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm của mình, song song với việc giảm thiểu chi phí tạo lợi thế cạnh tranh. Để tạo ra thế chủ động trong sản xuất, Công ty luôn linh hoạt trong việc tính toán, lựa chọn thời điểm nhập khẩu, dự trữ hàng tồn kho hợp lý trong mối tương quan với nhu cầu sản xuất kinh doanh cũng như diễn biến của thị trường thép thế giới.

- Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đầu tư trong các khu công nghiệp. Cụ thể là từ giờ đến năm 2012, thuế thu nhập doanh nghiệp của Nam Kim chỉ ở mức 12,5%, bằng một nửa so với mức thu nhập hiện hành.

- Về mặt thị trường năm 2008 và 2009, tuy thị trường trong nước và quốc tế có sự biến động mạnh nhưng Ban lãnh đạo đã có những hướng đi đúng đắn cho toàn bộ hệ thống Công ty. Khi xác định rõ là trong nước nguồn cung đã vượt quá cầu, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu sẽ ảnh hưởng trực tiếp lâu dài trong nước, Công ty đã tiến hành dự báo và phân tích,

nghiên cứu thực tế nguồn cung của thị trường thế giới như: Ấn Độ, Tây Ban Nha, Singapore và tiến hành tái xuất khẩu một lượng thép cuộn, thép tấm trước khi chính sách mới của nhà nước được ban hành và có hiệu lực, thị trường thép có những dấu hiệu tụt dốc về nhu cầu sản phẩm. Do vậy, Công ty vẫn thu về được mức lợi nhuận kỳ vọng trong 02 năm này.

7.2.2 Khó khăn

- Sự suy thoái và khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã dẫn đến hiện tượng khan hiếm lượng ngoại tệ trong lĩnh vực thanh toán quốc tế, trong khi khoảng 70% nguồn nguyên liệu đầu vào của Nam Kim là từ nguồn nhập khẩu, nên Công ty luôn phải thanh toán tiền hàng bằng ngoại tệ với tỷ giá cao, làm tăng chi phí của nguyên liệu đầu vào. Bên cạnh đó, dòng vốn FDI đổ vào ngành thép không ngừng gia tăng, đây là cơ hội cho các doanh nghiệp cùng ngành mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng cũng là nguy cơ về khủng hoảng thừa có thể sẽ xảy ra tại Việt Nam trong giai đoạn tới, điều này ảnh hưởng trực tiếp đối với việc hoạch định chiến lược phát triển của Công ty.
- Trong giai đoạn 2008-2009 vừa qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng đã trải qua các giai đoạn khó khăn nhất định bởi tác động chung của nền kinh tế vĩ mô như lạm phát tăng, lãi suất tín dụng cho vay tăng cao đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giá nguyên liệu cơ bản, quặng sắt, than, dầu, phôi thép, thép phế, điện năng và một số loại nguyên liệu, chi phí đầu vào khác tăng cao hơn năm trước nên việc dự báo kế hoạch kinh doanh cũng như việc giảm chi phí sản xuất để giảm giá thành sản phẩm còn gặp khó khăn.
- Một số sản phẩm thép theo lộ trình qui định WTO sẽ không còn được hưởng ưu đãi và bảo hộ cao về thuế nhập khẩu sẽ khiến thị trường thép cạnh tranh khốc liệt hơn.
- Do đặc thù của ngành công nghiệp thép là ngành sử dụng nhiều lao động, có sức khỏe, có trình độ chuyên môn cao. Tuy nhiên, lực lượng lao động của Công ty luôn biến động, thiếu hụt do sự thu hút lao động từ doanh nghiệp khác trong khu công nghiệp. Đây cũng là vấn đề khó khăn của Công ty khi đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất.

8. Vị thế của Nam Kim so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Nam Kim trong ngành

Năm 2008 là năm đầu tiên ngành thép góp phần vào tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của cả nước với kim ngạch 1,61 tỷ USD. Mặc dù so với năm 2007, sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm thép đều giảm do giá cả thế giới biến động, nhưng ngành thép đã góp phần bình ổn giá cả thị trường trong nước vào những tháng lạm phát tăng cao.

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim là một đơn vị kinh doanh có uy tín trên thị trường trong nước cũng như quốc tế. Với đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ, nhiệt tình gắn bó với

BẢN CÁO BẠCH

Công ty đã và đang từng bước cùng nhau bắt tay xây dựng Công ty thành một tập thể vững mạnh. Sản lượng tiêu thụ của Nam Kim tăng đều hàng năm, doanh thu từ các hoạt động sản xuất và kinh doanh cao, tỷ suất sinh lời lớn. Cùng với tiềm lực về vốn, cơ sở hạ tầng hiện đại, mạng lưới đại lý phân phối rộng khắp tại TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai và các tỉnh lân cận khác. Theo báo cáo thị phần các doanh nghiệp tôn mạ kẽm, mạ màu 11 tháng đầu năm 2009 của Hiệp hội thép Việt Nam, Nam Kim đã có một chỗ đứng vững chắc trên thị trường với thị phần khoảng từ 7% - 8% trong phân đoạn thị trường tôn mạ kẽm và mạ màu.

Bên cạnh đó, Nam Kim có được một nội lực vững mạnh, đó là sự trung thực, sự nhiệt huyết, sự đồng tâm hiệp lực của toàn thể CBCNV Công ty. Ngoài ra lực lượng lao động của Nam Kim còn được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, nắm vững kỹ thuật nên Công ty có đầy đủ nội lực để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công nghệ hiện đại là một yếu tố quan trọng góp phần vào sự thành công của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim. Các dây chuyền sản xuất của Nam Kim đều được thiết kế và lắp đặt theo công nghệ tiên tiến nhất của các nước phát triển trên thế giới. Nam Kim luôn an tâm về chất lượng cũng như số lượng sản phẩm, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu của thị trường và cung ứng kịp thời các đơn đặt hàng với số lượng lớn.

Với sức mạnh về tiềm lực tài chính tự có, cùng với việc các Định chế tài chính sẵn sàng tài trợ ưu đãi cho Nam Kim số vốn khá lớn trong thời gian nhất định, Nam Kim có thể chủ động trong việc dự trữ nguyên vật liệu, đề phòng biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào, đầu tư trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu sản xuất sản phẩm với chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Nam Kim áp dụng hệ thống thông tin theo dõi chặt chẽ trong hoạt động quản lý giá thành sản xuất, hàng hoá tồn kho và xuất bán. Do đó, Công ty có đầy đủ kết quả hoạt động mua bán xuất nhập kho hàng ngày của Công ty cũng như hoạt động bán hàng của từng đại lý phân phối theo từng tháng, từng quý, giúp Ban lãnh đạo Công ty có những quyết định chính xác và kịp thời trong điều hành kinh doanh hàng ngày.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, do nhu cầu xây dựng những tháng cuối năm 2009 và đầu năm 2010 tăng đáng kể, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ tiếp tục được duy trì, kinh tế trong nước có dấu hiệu tăng trưởng ổn định trở lại... đã có tác động lớn đến sự phục hồi của thị trường thép. Nhu cầu tiêu thụ thép thời điểm này tăng đáng kể so với cùng kỳ năm 2009. Có thể nói, ngành thép trong nước đã qua giai đoạn khó khăn nhất. Hiện nay, Chính phủ cũng có những chính sách nhằm bình ổn thị trường thép trong nước như chủ trương kích cầu đầu tư kết cấu hạ tầng, các công trình trọng điểm để kích thích tăng trưởng kinh tế; tăng mức thuế nhập khẩu phối thép... Hiệp hội Thép Việt Nam dự báo, tăng trưởng ngành thép năm 2010 có thể giữ ở mức bằng hoặc tăng từ 2-5% so với năm 2009, lượng thép xuất khẩu ở mức 0,5 triệu tấn. Trong tương lai ngành thép nói chung vẫn là một trong những

ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước, và có nhiều tiềm năng phát triển, đặc biệt đối với Việt Nam - một nước đang phát triển với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhiều công trình, cơ sở hạ tầng được xây dựng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho ngành thép phát triển.

8.3.Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

Theo như chính sách công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ trương quy hoạch phát triển nhà ở xã hội trong thời gian tới, nhu cầu thép gia tăng do nhiều công trình xây dựng hạ tầng cơ sở được thực hiện, ngành thép trong tương lai hứa hẹn nhiều tiềm năng phát triển. Nắm bắt được vấn đề này, công ty đã có những chiến lược phát triển cụ thể, vững chắc phù hợp với định hướng của Nhà nước trong giai đoạn tiếp theo.

Công ty luôn cố gắng giữ vững mức tăng trưởng của doanh thu thuần, tăng sản lượng cung cấp cho thị trường để có thể tăng sản lượng nhập khẩu theo từng năm.

Định hướng cơ bản của Công ty vẫn tập trung chủ yếu vào lĩnh vực kinh doanh truyền thống của công ty là sản xuất, cung ứng các mặt hàng thép cuộn, tôn mạ kẽm, mạ màu và phụ kiện cho thị trường trong nước và thị trường nước ngoài. Sắp tới sẽ tiến hành đầu tư sản xuất thép ống mạ kẽm và các sản phẩm mới khác.

Phân tích mục đích, nhu cầu sử dụng cụ thể cho từng đối tượng khách hàng, từng phân khúc thị trường; khoanh vùng và định vị sản phẩm tại các khu vực tiêu thụ theo thị phần và doanh số bán; khai thác triệt để thế mạnh về chất lượng sản phẩm do có dây truyền sản xuất hiện đại; tổ chức phân phối tất cả các chủng loại sản phẩm cho các vùng theo phương thức sản xuất trực tiếp theo nhu cầu của khách hàng mọi lúc, mọi nơi.

Với hệ thống thiết bị máy móc đã được đầu tư kỹ lưỡng, Công ty tiếp tục tổ chức sản xuất các sản phẩm thế mạnh như tôn mạ kẽm, mạ màu chủ động chi phối thị trường hiện tại trên cơ sở sản phẩm truyền thống của doanh nghiệp đồng thời phát triển sản phẩm tiềm năng, sản phẩm mong đợi như các sản phẩm thép cán nguội, tôn dày mạ kẽm, ống thép... theo sự nghiên cứu và sản xuất của các nước có ngành thép phát triển mạnh trên thế giới. Nam Kim dự kiến sản xuất trực tiếp các sản phẩm này trong thời gian tới sau khi nhập đầy đủ máy móc dây truyền hiện đại để đảm bảo chất lượng tương đương hàng chính phẩm của thị trường quốc tế.

Không ngừng tìm kiếm lựa chọn các nhà cung cấp đầu vào trên thế giới để có sản phẩm hoàn hảo về chất lượng và phù hợp về giá cả. Ngoài ra, Công ty có kế hoạch mở rộng phạm vi địa bàn cung cấp, củng cố bổ sung danh mục sản phẩm để có thể bám sát nhu cầu khách hàng hơn. Đồng thời, Nam Kim cũng tham gia các hội chợ thương mại công nghiệp để quảng bá sản phẩm, quảng bá thương hiệu, hình ảnh Công ty trước công chúng với mục tiêu trở thành nhà sản xuất và cung cấp các sản phẩm về tôn mạ chuyên nghiệp, luôn duy trì vững chắc địa vị, uy tín của Công ty trên thị trường.

9. Chính sách đối với người lao động.

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 30/09/2010 là 199 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ	199	100%
1. Trình độ đại học trở lên	26	13,1%
2. Trình độ cao đẳng	10	5,0%
3. Trình độ trung cấp	38	19,1%
4. Trình độ sơ cấp	0	0
5. Công nhân	125	62,8%
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	199	100%
1. HĐLĐ không xác định thời hạn	91	45,7%
2. HĐLĐ xác định thời hạn (1 – 3 năm)	105	52,7%
3. HĐLĐ xác định thời hạn (dưới 1 năm)	3	1,6%
4. Lao động thời vụ	0	0%

Nguồn: Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

9.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, chế độ nghỉ theo quy định của luật lao động. Đối với cán bộ công nhân trực tiếp sản xuất, Công ty đang tổ chức sản xuất theo ca, đảm bảo tiến độ sản xuất, tuân thủ theo quy định của pháp luật.
- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, nhà ăn sạch sẽ, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty đang trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

BẢN CÁO BẠCH

- **Tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: Có trình độ chuyên môn, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.
- **Chính sách nhân tài:** Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và giàu kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để tạo sự gắn bó lâu dài, thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty. Ngoài ra hàng năm, Công ty còn cử CBCNV đi đào tạo để nâng cao tay nghề, trình độ kiến thức và nghiệp vụ.

c) Chính sách lương và thưởng

- **Chính sách lương:** Công ty xây dựng chính sách lương theo cơ sở thang bảng lương của Nhà nước và các đơn vị cùng ngành, hệ suất năng suất của từng cá nhân và dựa trên tình hình kinh doanh của Công ty. Hiện tại, mức lương bình quân của Công ty hiện tại là: 4.323.485 VNĐ/người/tháng.
- **Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên sự gia tăng hiệu quả đóng góp, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Luật Lao động, CBCNV trong Công ty còn được hưởng một số quyền lợi khác như được ưu tiên mua cổ phiếu của Công ty, mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của bản thân người lao động cho Công ty và do ĐHCĐ quy định.
- **Bảo hiểm và phúc lợi:** Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

10. Chính sách cổ tức

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Nam Kim vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của HĐQT, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Năm 2007 và 2008, Nam Kim không thực hiện chi trả cổ tức do có lỗ lũy kế từ năm 2007. Năm 2009, tỷ lệ chi trả cổ tức/Vốn điều lệ là 10% sau khi đã trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu, đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua. Theo kế hoạch, tỷ lệ trả cổ tức trong năm 2010 dự kiến là 15%.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình

bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

11.2. Trích khấu hao tài sản cố định

TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Riêng 02 dây chuyền mạ kẽm và mạ màu hiện tại được tính khấu hao theo phương pháp sản lượng.

Thời gian áp dụng khấu hao tại Công ty như sau:

Loại tài sản	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	04 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	05 – 06
Thiết bị văn phòng, tài sản khác	02 – 08

❖ Thu nhập bình quân người lao động

Công tác tiền lương, nâng lương định kỳ, điều chỉnh lương theo yêu cầu công tác của người lao động trong Công ty được thực hiện đúng theo quy chế đã ban hành. Thu nhập bình quân của người lao động là 4.323.485 đồng/người/tháng trong năm 2009. Đây là mức thu nhập trung bình cao so với các công ty cùng ngành trên địa bàn.

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Nam Kim thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2008 và năm 2009, Nam Kim đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

❖ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

Đơn vị tính: đồng

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2009	30/09/2010
- Thuế giá trị gia tăng – hàng nhập khẩu:	584.929.059	12.861.685.426
- Thuế giá trị gia tăng:	0	14.644.856
- Thuế xuất, nhập khẩu:	866.561.569	1.609.195.782

- Thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.356.144.542	-3.096.868.364
- Thuế thu nhập cá nhân:	2.070.970	989.236.519
Tổng số tiền phải nộp:	3.809.706.140	12.377.894.219

❖ Trích lập các quỹ

Nam Kim thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Nam Kim và pháp luật hiện hành. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2010, kế hoạch trích quỹ được thực hiện như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính: 5,0% từ lợi nhuận sau thuế.
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 10,0% từ lợi nhuận sau thuế.
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 5,0% từ lợi nhuận sau thuế.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2009	30/09/2010
- Quỹ dự phòng tài chính	0	2.408.490.129
- Quỹ đầu tư phát triển	0	2.408.490.129
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	711.612.464
Tổng cộng	0	5.528.592.722

❖ Tổng dư nợ vay ngân hàng

Theo báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009 và 9 tháng đầu năm 2010 của Công ty, tình hình dư nợ vay ngân hàng của Nam Kim như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Vay ngắn hạn	104.191.436.915	355.181.805.904	736.137.605.608
Vay dài hạn	53.177.739.532	31.066.116.791	53.126.380.000
Tổng cộng	157.369.176.447	386.247.922.695	789.263.985.608

- Chi tiết khoản vay và nợ ngắn hạn tại thời điểm 30/09/2010 của Công ty như sau:

+ Vay ngắn hạn:		
a - Vay BIDV HCMC	94.955.433.829	đồng
b - Vay NH Đông Á	248.385.000.000	đồng
c - Vay NH SeaBank	149.365.948.055	đồng
d - Vay Bảo Việt Bank	60.551.365.424	đồng
e - Vay Eximbank	80.000.000.000	đồng
f - Vay Namvietbank	29.298.714.300	đồng
g - Vay BIDV CN SG	73.581.144.000	đồng
CỘNG	736.137.605.608	đồng
+ Vay dài hạn đến hạn trả	16.352.800.000	đồng

- a- Đây là khoản vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Chi nhánh TP.HCM theo Hợp đồng tín dụng và phụ lục số 00310/2009/0001281 (14/12/2009), hạn mức 100 tỷ để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 6 tháng cho từng lần rút vốn, lãi suất vay được qui định trong từng hợp đồng vay ngắn hạn cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản và hàng hóa.
- b- Đây là khoản vay Ngân hàng Đông Á theo các hợp đồng ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động, thời gian vay là 6 tháng cho từng lần rút vốn, lãi suất vay được qui định trong từng hợp đồng vay ngắn hạn cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa.
- c- Đây là khoản vay Ngân hàng Seabank theo Hợp đồng tín dụng P20019/HĐTD-HM ngày 21/05/2010 hạn mức 150 tỷ để bổ sung vốn lưu động, thời gian vay là 6 tháng cho từng lần rút vốn, lãi suất vay được qui định trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa.
- d- Đây là khoản vay Ngân hàng Bảo Việt theo các hợp đồng tín dụng số 78.2009.HĐTD ngày 10/11/2009 hạn mức 80 tỷ để bổ sung vốn lưu động, thời gian vay là 5 tháng cho từng lần rút vốn, lãi suất vay được qui định trong từng kế ước cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa.
- e- Đây là khoản vay Ngân hàng Eximbank Chi nhánh Sài Gòn theo các hợp đồng ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động, thời gian vay là 6 tháng cho từng lần rút vốn, lãi suất vay được qui định trong từng hợp đồng vay ngắn hạn cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa.

- f- Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Nam Việt theo Hợp đồng tín dụng số 08/HĐCTD/2009 ngày 24/08/2009 hạn mức 70 tỷ để bổ sung vốn lưu động, thời gian vay là 6 tháng cho từng lần rút vốn, lãi suất vay được qui định trong từng kế ước cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa.
- g- Đây là khoản vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Chi nhánh Sài Gòn theo các hợp đồng tín dụng để bổ sung vốn lưu động, thời gian vay là 6 tháng cho từng lần rút vốn, lãi suất vay được qui định trong từng hợp đồng vay ngắn hạn cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Phải thu từ khách hàng	24.227.905.451	179.717.087.630	128.836.824.781
Trả trước cho người bán	3.913.171.877	5.018.986.260	(*)374.467.147.063
Phải thu khác	-	2.241.849.100	4.414.438.842
Tổng cộng	28.141.077.328	186.977.922.990	507.718.410.686

(*) Trả trước cho người bán tại thời điểm 30/09/2010 là 374.467.147.063 đồng, số tiền này phần lớn Công ty thanh toán tiền mua hàng nhập khẩu bằng L/C tại thời 30/09/2010 và đã thanh toán cho người bán nhưng qua tháng 10 năm 2010 Công ty mới mở tờ khai nhập khẩu, phần còn lại chủ yếu thanh toán trước phần nhập khẩu mua máy móc thiết bị cho dự án xây dựng nhà máy 2 tại Đồng An, Bình Dương. Chi tiết như sau:

Trả trước cho người bán:	374.467.147.063	đồng
- Thanh toán trước tiền mua MMTB	88.934.401.000	đồng
- Thanh toán tiền mua hàng nhập khẩu bằng L/C	260.372.130.839	đồng
- Thanh toán tiền cho khách hàng khác	25.160.615.224	đồng

Các khoản phải trả:*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	30/09/2010
Nợ ngắn hạn	229.845.337.363	678.257.764.112	795.227.391.580
Vay và nợ ngắn hạn	104.191.436.915	355.181.805.904	736.137.605.608
Phải trả cho người bán	124.088.142.790	246.550.972.186	44.676.730.625
Người mua trả tiền trước	-	71.324.173.406	287.810.246
Các khoản thuế phải nộp	13.310.441	3.809.706.140	12.377.894.219
Phải trả CBCNV	-	-	17.320.000
Chi phí phải trả	550.177.729	387.225.188	-
Phải trả phải nộp khác	1.002.269.488	1.003.881.288	1.018.418.418
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	711.612.464
Nợ dài hạn	53.286.363.914	31.066.116.791	53.126.380.000
Phải trả dài hạn người bán	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	53.177.739.532	31.066.116.791	53.126.380.000
Phải trả dài hạn khác	108.624.382	-	-
Dự phòng trợ cấp MVL	-	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	283.131.701.277	709.323.880.903	848.353.771.580

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC hợp nhất 9 tháng năm 2010 của Nam Kim

Các khoản phải thu năm 2009 tăng đáng kể so với năm 2008, đặc biệt là khoản phải thu từ khách hàng tăng từ 24 tỷ của năm 2008 lên mức 180 tỷ là do năm 2009 Công ty tăng đáng kể sản lượng sản xuất, bán hàng ra ngoài và Công ty thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng cho khách hàng truyền thống, có mối quan hệ thương mại tốt, có uy tín.

Năm 2009, Công ty triển khai mở rộng thị trường, tăng ca, tăng năng suất để sản xuất sản phẩm cho theo kịp đơn hàng, đồng thời Nam Kim cũng tiến hành tăng nhập khẩu một lượng lớn nguyên vật liệu và thép thương mại trong thời điểm giá thép thế giới ở mức thấp, nên vay ngắn hạn của Công ty tăng lên đáng kể (355 tỷ so với mức 104 tỷ của năm 2008), bổ sung vào nguồn vốn lưu động của Công ty.

11.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2008	Năm 2009	9T/2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/ Nợ ngắn hạn)	Lần	0,64	1,09	1,27
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,17	0,41	0,75
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,93	0,80	0,68
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	13,46	4,05	2,15
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn bán hàng/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	4,74	5,60	3,34
-Vòng quay tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	1,61	1,61	1,34
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)				
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,05%	5,21%	6,08%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	24,36%	42,42%	25,69%
- Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản (ROA)	%	1,69%	8,40%	8,13%
- Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	1,03%	5,36%	6,97%

Nguồn: Số liệu được tính toán dựa trên BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC hợp nhất 9 tháng năm 2010 của Nam Kim.

Phân tích sơ lược các chỉ tiêu tài chính trong năm báo cáo

❖ ***Về khả năng thanh toán***

✓ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn) là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ của Công ty. Xét về quá khứ, theo số liệu Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008, khoản nợ ngắn hạn của Công ty là 229,84 tỷ đồng (lớn hơn tài sản ngắn hạn 83,7 tỷ đồng), hệ số thanh toán ngắn hạn là 0,64 lần, hệ số này thấp so với mức an toàn là 1 sẽ ảnh hưởng đến khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty. Để khắc phục tình trạng này, đến năm 2009 Công ty thực hiện tăng vốn từ 71,1 tỷ lên 150 tỷ đồng để tăng cường đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, cải thiện khả năng tăng toán, cũng như đảm bảo khả năng trường vốn, nâng cao năng lực cạnh tranh. Kết quả kinh doanh trong năm 2009 có lãi khoảng 74 tỷ đồng. Hệ số thanh toán ngắn hạn là 1,09 lần, cao hơn nhiều so với mức 0,64 lần của năm 2008. Đến thời điểm 9 tháng năm 2010, hệ số thanh toán ngắn hạn là 1,27 lần. Điều này cho thấy khả năng thanh toán của Công ty ngày càng được cải thiện, và luôn trong trạng thái đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

✓ Bên cạnh đó, chỉ số khả năng thanh toán nhanh ((TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn) của Công ty năm 2009 ở mức 0,41 lần; tăng so với năm 2008 là 0,17 lần, chỉ số này phản ánh khả năng thanh toán nhanh của Công ty ngày càng tốt hơn, Công ty luôn có đủ nguồn để thanh toán trong mọi tình huống xảy ra. Đây là một tín hiệu tốt và có thể đánh dấu khả năng phát triển bền vững của Công ty.

❖ ***Về cơ cấu vốn***

Chỉ tiêu hệ số nợ trên tổng tài sản lần lượt cho năm 2008 là 0,93 lần; năm 2009 là 0,80 lần và 9 tháng 2010 là 0,68 lần. Chỉ tiêu này qua các năm luôn duy trì ở mức nhỏ hơn 1 và giảm dần qua các năm phản ánh khả năng đảm bảo cơ cấu vốn hợp lý với chỉ tiêu nợ trên tổng tài sản là thấp và hợp lý.

Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu lần lượt là 13,46 lần cho năm 2008; 4,05 lần cho năm 2009 và 2,15 lần cho 9 tháng đầu năm 2010. Các chỉ tiêu này trong năm 2008 là 13,45 lần, đây là mức rất cao phản ánh khả năng tự chủ về vốn của Công ty khi nợ phải trả cao hơn vốn chủ sở hữu. Đến năm 2009, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu là 4,05 và 9 tháng năm 2010 là 2,15. Hệ số này giảm dần qua các năm (đặc biệt chỉ tiêu này giảm mạnh trong năm 2009 so với năm 2008 là 9,41 lần và chỉ tiêu của 9 tháng năm 2010 giảm gấp đôi so với năm 2009). Điều này phản ánh khả năng tự chủ về vốn của Công ty ngày càng cao, đảm bảo cơ cấu vốn an toàn với chỉ tiêu nợ thấp.

❖ **Về năng lực hoạt động**

Đặc thù của các Công sản xuất trong ngành thép là luôn trữ nguyên liệu với trữ lượng lớn để phục vụ sản xuất, tuy nhiên giá cả nguyên liệu thép luôn biến động do các yếu tố như biến động tỷ giá, lãi suất, nguồn hàng cung cấp, thị trường tiêu thụ... sẽ ảnh hưởng đến giá thành thành phẩm. Trong năm 2009, chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho của Công ty là 5,60 vòng, tăng 0,86 vòng so với năm 2008 là 4,74 vòng. Hệ số vòng quay hàng tồn kho càng cao càng cho thấy doanh nghiệp bán hàng nhanh và hàng tồn kho không bị ứ đọng, phản ánh năng lực quản trị hàng tồn kho của Công ty linh hoạt, hiệu quả. Đồng thời về cơ cấu doanh thu/Tổng tài sản ổn định qua các năm phản ánh tình hình sử dụng và khai thác hiệu quả tài sản của Công ty.

❖ **Về khả năng sinh lời**

Nhìn chung, khả năng sinh lời của Công ty đã có những bước tăng trưởng rõ rệt từ năm 2008 đến năm 2009, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu và tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản rất cao (năm 2008, ROE đạt 24,4% ROA đạt 1,7% và năm 2009 tương ứng là 42,3% và 8,4%) thể hiện việc sử dụng ngày càng hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu và tài sản của Công ty.

12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế Toán Trưởng

12.1. Công khai các khoản nợ của các thành viên HĐQT, BGD, BKS, KTT theo qui định

Căn cứ tại Điểm c Khoản 1 Điều 8 Nghị định 14/2007 về điều kiện niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán. Công ty Cổ phần Thép Nam Kim thực hiện cam kết công khai mọi khoản nợ đối với công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan tại thời điểm đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM. Tại thời điểm đăng ký niêm yết, các đối tượng thuộc quy định trên không có các khoản nợ đối với Công ty.

12.2. Lý lịch trích ngang các thành viên HĐQT, BTGD, BKS, KTT của Công ty

a. Danh sách thành viên HĐQT

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Hồ Minh Quang	1970	022537313	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Uyển Nhân	1976	022799140	Ủy viên HĐQT
3	Hồ Tấn Thắng	1977	280616612	Ủy viên HĐQT
4	Võ Hữu Tuấn	1974	022633467	Ủy viên HĐQT
5	Nguyễn Trọng Nghĩa	1979	111384883	Ủy viên HĐQT

a.1 Chủ tịch HĐQT: ông Hồ Minh Quang

- Họ và tên: HỒ MINH QUANG
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 022537313 Ngày cấp: 04 / 11 / 2003 Nơi cấp: CA TPHCM
- Năm sinh: 17 / 05 / 1970
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ: 34/29 Cách Mạng Tháng Tám, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú - TPHCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650-3748848
- Trình độ văn hoá: 12 / 12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - + Năm 1998 đến 2007 Giám đốc Cty TNHH Thái Sơn
 - + Năm 2007 đến tháng 3/2009 Giám đốc Công ty Minh Phát
 - + Từ tháng 3 năm 2009 đến nay Tổng Giám đốc Công ty CP Thép Nam Kim
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 3.378.800 cổ phần, chiếm 14,69%/VĐL

Trong đó:

 - + Sở hữu cá nhân: 3.378.800 cổ phần, chiếm 14,69%/VĐL
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 14,69%/VĐL
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ
01	Trần Uyên Nhân	Vợ (TV.HĐQT)	4.930.000 cổ phần
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

a.2 Thành viên HĐQT: bà Trần Uyên Nhân

- Họ và tên: TRẦN UYÊN NHÂN
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 022799140 Ngày cấp: 03 / 01 / 2007 Nơi cấp: CA. TPHCM
- Ngày tháng năm sinh: 04/07/1976
- Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Hoa
- Quê quán: Trung Quốc
- Địa chỉ: 34/29 Cách Mạng Tháng Tám, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TPHCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08-3 8120 949
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - + Năm 2000 đến tháng 08/2010: Giám Đốc Công ty TNHH Nghiệp Quyền
 - + Tháng 08 đến nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc C.ty TNHH Thép Trường Giang.
 - + Tháng 02/2010 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty CP Thép Nam Kim
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Ủy viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thép Trường Giang
- Số cổ phần nắm giữ: 6.730.000 cổ phần, chiếm 29,26%/VĐL
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 4.930.000 cổ phần, chiếm 21,43%/VĐL
 - + Đại diện sở hữu: 1.800.000 cổ phần, chiếm 7,83%/VĐL
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ
1	Hồ Minh Quang	Chồng (CT.HĐQT)	3.378.800 cổ phần
- Các khoản nợ đối với công ty: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

a.3 Thành viên HĐQT: Ông Hồ Tấn Thắng

- Họ và tên: HỒ TẤN THẮNG
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 280616612 Ngày cấp: 09/09/2009 Nơi cấp: CA. Bình Dương
- Ngày tháng năm sinh: 21/05/1977
- Nơi sinh: Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Dương
- Địa chỉ thường trú: Hưng Phước, Hưng Định, Thuận An, Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650-3748848
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Tài Chính Kế toán 4
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - + Năm 1998-2000: Công tác tại Phòng Cảnh Sát Hình sự Công An Bình Dương
 - + Năm 2000 đến nay: Chủ DNTN DV TM Ngọc Châu
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Đứng đầu Chi nhánh Công ty CP Thép Nam Kim, Ủy viên HĐQT Công ty CP Thép Nam Kim.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ DNTN DV TM Ngọc Châu
- Số cổ phần nắm giữ: 660.000 cổ phần, chiếm 2,87%/VĐL
- Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 660.000 cổ phần, chiếm 2,87%/VĐL
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00%/VĐL
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

a.4 Thành viên HĐQT: Ông Võ Hữu Tuấn

- Họ và tên: VÕ HỮU TUẤN
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 022633467 Ngày cấp: 19/05/2003 Nơi cấp: CA TP.HCM
- Ngày tháng năm sinh: 11/01/1974
- Nơi sinh: TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú: 42 Lô D, Khu phố 1, P.Phú Thuận, Q.7, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08.3914.6888 Điện thoại di động: 0903.000.789
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành tài chính ngân hàng
- Quá trình công tác (tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - + Từ 1999 đến 2000 : Công tác tại ngân hàng Đông Á
 - + Từ 2000 đến nay : Công tác tại Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt
- Chức vụ công tác hiện nay ở tổ chức niêm yết : Ủy viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc Chi Nhánh Tp.HCM Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,00%/VĐL
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0,00%/VĐL
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00%/VĐL
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

a.5 Thành viên HĐQT: Ông Nguyễn Trọng Nghĩa

- Họ và tên: NGUYỄN TRỌNG NGHĨA
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 27/04/1979
- Số CMND:111384883 Ngày cấp: 01/05/2008 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Nơi sinh: Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: Số 16, Ngõ 133, P.Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0943.688.686
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn:Tiến sỹ kinh tế
- Quá trình công tác (tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - + Từ 1997 đến 2001 : Sinh viên Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân Hà Nội
 - + Từ 2001 đến 2002 : Cán bộ Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Hà Nội
 - + Từ 2003 đến 2006 : Sinh viên (MBA) và NCS (tiến sỹ) trường Đại Học Bangor-Anh Quốc
 - + Từ 2006 đến 2008 : Sau tiến sỹ Trường Đại Học Manchester và chuyên gia phân tích rủi ro của trung tâm CAIR - Manchester
 - + Từ 2009 đến nay : Giám đốc khối Phân tích (2009), Giám Đốc Khối ngân hàng đầu tư (2010) Công ty cổ phần chứng khoán Thăng Long, Ủy viên HĐQT của CTCP Cơ điện và xây dựng Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay ở tổ chức niêm yết : Thành viên Hội Đồng Quản Trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám Đốc Khối Ngân hàng Đầu tư CTCP chứng khoán Thăng Long
- Số cổ phần nắm giữ: 50.000 cổ phần. Chiếm tỷ lệ 0,22%VĐL
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần. Chiếm tỷ lệ 0,22%VĐL
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ 0,0%VĐL
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

b. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Hồ Minh Quang	1970	022537313	Tổng Giám đốc
2	Hồ Tấn Thắng	1977	280616612	Giám đốc Chi Nhánh

b.1 Tổng Giám đốc: Ông Hồ Minh Quang (Như phần HĐQT)

b.2 Giám Đốc Chi nhánh: Ông Hồ Tấn Thắng (Như phần HĐQT)

c. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Phan Thị Vân Anh	1981	212099244	Trưởng ban kiểm soát
2	Huỳnh Thị Kim Hoa	1972	023182933	Thành viên ban kiểm soát

c.1 Trưởng Ban kiểm soát: Bà Phan Thị Vân Anh

- Họ và tên: PHAN THỊ VÂN ANH
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 212099244 Ngày cấp: 14/03/1997 Nơi cấp: CA.Quảng Ngãi
- Ngày tháng năm sinh: 10/04/1981
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: Minh Xuân – Tịnh Bắc – Sơn Tịnh – Quảng Ngãi
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0905.276.355

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Cao đẳng toán - tin
- Quá trình công tác :
 - + Từ 2002 đến 2003 : Công tác tại Công ty giày da Pouyen – Bình Chánh
 - + Từ 2003 đến 9/2004 : Công tác tại Công ty Hùng Huy – Bình Chánh
 - + Từ 9/2004 đến nay : Phòng Mua hàng tại Công ty CP thép Nam Kim
- Chức vụ công tác hiện nay ở tổ chức niêm yết : Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 2.000 cổ phần. Chiếm tỷ lệ 0,01%VĐL
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phần. Chiếm tỷ lệ 0,01%VĐL
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ 0,00%VĐL
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

c.2 Thành viên Ban kiểm soát: Bà Huỳnh Thị Kim Hoa

- Họ và tên: HUỖNH THỊ KIM HOA
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 023182933 Ngày cấp: 18/12/2002 Nơi cấp: CA – TP.HCM
- Ngày tháng năm sinh: 15/11/1972
- Nơi sinh: Sài Gòn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 53/6 Nguyễn Hồng Đào, P.14, Q.Tân Bình, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08.3812.0949 ĐTDD: 0903 744 988
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính - Kế toán

- Quá trình công tác:
 - + Từ 1996 đến 1998 : Công tác tại HTX cơ khí thương mại 2/9
 - + Từ 1999 đến 2007 : Công tác tại Công ty TNHH TM – SX Thái Sơn
 - + Từ 2008 đến nay : Công tác tại Công ty TNHH thép Trường Giang
- Chức vụ công tác hiện nay ở tổ chức niêm yết : Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH thép Trường Giang
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ 0,0%VĐL
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ 0,0%VĐL
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ 0,0%VĐL
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

d. Kế Toán Trưởng:

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Huệ	1972	022992260	Kế toán trưởng

Kế Toán Trưởng: Bà Nguyễn Thị Huệ

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUỆ
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 022992260 Ngày cấp: 02/06/1992 Nơi cấp: Công An TPHCM
- Ngày tháng năm sinh: 10/10/1972
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 175A Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, TPHCM

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650.3748848
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + 1997-2006: C.ty CP XNK Vật Tư Kỹ Thuật, chức vụ: Phó Phòng Kế toán
 - + 2004 – 2005: Công ty CP Bệnh Viện Tim Tâm Đức, chức vụ: Kế toán trưởng
 - + 2006 – nay: Công ty CP Thép Nam Kim, chức vụ: Kế toán trưởng
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Kế toán trưởng Công ty CP Thép Nam Kim
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 25.000 cổ phần. Chiếm tỷ lệ : 0,1%VĐL
- Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 25.000 cổ phần. Chiếm tỷ lệ : 0,1%VĐL
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0,0%VĐL
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

13. Tài sản Công ty

❖ *Giá trị tài sản cố định của Nam Kim tại thời điểm 31/12/2009 như sau:*

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
A	Tài sản cố định hữu hình	162.905.609.444	102.784.334.183	63,09%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	26.362.404.384	20.323.111.859	77,09%
2	Máy móc, thiết bị	131.523.664.421	79.399.228.887	60,37%
3	Phương tiện vận tải	3.543.412.039	2.845.095.216	80,30%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.231.495.681	180.478.534	14,62%

Stt	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
5	Tài sản cố định khác	244.632.919	36.419.687	14,89%
B	Tài sản cố định vô hình	9.454.794.869	8.466.399.114	89,54%
	Quyền sử dụng đất + phần mềm kế toán (*)	9.454.794.869	8.466.399.114	89,54%
	Cộng	172.360.404.313	111.250.733.297	

(*) Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán, chi tiết như sau:

- Giá trị quyền sử dụng đất được ghi nhận trong khoản mục tài sản cố định vô hình là khoản chi phí mà Công ty đã chi trả để đền bù giải tỏa mặt bằng với diện tích là 42.545m² theo Hợp đồng đền bù giải phóng mặt bằng và đầu tư cơ sở hạ tầng tại cụm sản xuất An Thạnh số 3/HĐĐB ngày 14/01/2003. Và chi phí này được khấu hao theo thời gian thuê đất là 49 năm.
- Phần mềm kế toán được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao trong thời hạn 5 năm.

❖ **Danh sách các bất động sản mà Nam Kim đang sử dụng tại thời điểm 30/09/2010:**

1. *Lô đất thuê tại địa chỉ đường N1, An Thạnh, Thuận An, Bình Dương*

- Diện tích: 42.545 m²
- Mục đích sử dụng: Đất thuê sản xuất kinh doanh
- Hiện trạng: Đang làm văn phòng và nhà máy của Nam Kim
- Thời gian thuê: 49 năm từ năm 2003
- Thời gian còn lại: 42 năm (kể từ năm 2010)

2. *Lô đất thuê tại địa chỉ Khu Công nghiệp Đồng An 2, Đồng An, Tỉnh Bình Dương*

- Diện tích: 65.892 m²
- Mục đích sử dụng: Đất thuê sản xuất kinh doanh
- Hiện trạng: Đang tiến hành nhập dây truyền sản xuất và đặt nhà máy tại đây, tăng năng suất sản xuất sản phẩm cho Công ty
- Thời gian thuê: 47 năm (từ năm 2009)
- Thời gian còn lại: 46 năm (kể từ năm 2010)

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010 - 2012

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Giá trị (Tỷ đồng)	% tăng giảm so với năm 2009	Giá trị (Tỷ đồng)	% tăng giảm so với năm 2010	Giá trị (Tỷ đồng)	% tăng giảm so với năm 2011
1. Vốn điều lệ	230	+34,78%	230	0,00%	230	+0,00%
2. Doanh thu thuần	1.707	71,35%	2.299	25,75%	2.475	+7,11%
3. Lợi nhuận sau thuế	93	94,62%	108	13,88%	121	+10,74%
4. LN sau thuế/DTT	5,44%	+80,69%	4,70%	-15,74%	4,92%	+4,47%
5. LN sau thuế/Vốn CSH	40,00%	+91,47%	47,00%	+14,89%	52,60%	+10,64%
6. Cổ tức/ Vốn điều lệ	(*)15,00%	100,00%	17,00%	+11,76%	20,0%	+15,0%

Nguồn: Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2010 – 2012 của Nakisco

() Tỷ lệ cổ tức trong năm 2010 của Nam Kim là 15% trên mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 thông qua và Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 01 là 10% tại thời điểm quý II năm 2010.*

❖ Căn cứ để Công ty đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức

Hiện tại Công ty đang triển khai giai đoạn 2 dự án xây dựng Nhà máy tại Đồng An, Bình Dương. Đây là nhà máy sản xuất tôn mạ kẽm, mạ nhôm, mạ màu với công suất lớn hơn gấp đôi nhà máy hiện tại của Nam Kim. Nhà máy mới với hệ thống dây chuyền tẩy rửa 200.000 tấn/năm; Cán nguội 200.000 tấn/năm; Mạ nhôm 100.000 tấn/năm; Mạ màu 80.000 tấn/năm. Ngoài ra, Nam Kim còn cán nguội trực tiếp thép cán nóng nhập khẩu để làm nguyên vật liệu đầu vào cho tôn mạ. Dưới đây là tóm tắt một số chỉ tiêu về hiệu quả dự án:

- Tổng vốn đầu tư: 664.000.000.000 VNĐ
- Chi phí sử dụng vốn bình quân (WACC): 12,3%
- Hiện giá thu nhập thuần của dự án (NPV): 681.562 VNĐ
- Tỷ suất thu hồi vốn nội tại (IRR): 84%
- Thời gian hoàn vốn: 3 năm 2 tháng

Việc đầu tư thêm Nhà máy tại Đồng An, Bình Dương sẽ là căn cứ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận cũng như đảm bảo kế hoạch cổ tức cho các năm tiếp theo của Thép Nam Kim.

HÌNH ẢNH VỀ DỰ ÁN NHÀ MÁY 2 TẠI ĐỒNG AN – BÌNH DƯƠNG**❖ Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua**

Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất tôn mạ kẽm, mạ nhôm, mạ màu và ống thép tại Đồng An, Bình Dương. Tiến độ triển khai xây dựng giai đoạn 2 của nhà máy như sau:

- Dự kiến tháng 5 năm 2011 sẽ hoàn thành phần xây dựng thô nhà máy và tiến hành lắp đặt hệ thống máy móc sản xuất.
- Dự kiến nhà máy sẽ đi vào hoạt động khoảng tháng 8 năm 2011.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo một cách thận trọng về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.

Chúng tôi nhận thấy rằng, Nam Kim là doanh nghiệp có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực thép xây dựng và công nghiệp, đặc biệt là các loại tôn thép mạ kẽm, mạ màu chất lượng cao. Ngoài ra, Nam Kim còn có đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, nhiệt huyết với công việc, và ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động, quyết đoán trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

BẢN CÁO BẠCH

Trong tương lai, Nam Kim có nhiều cơ hội để phát triển trong bối cảnh nền kinh tế đã gia nhập Tổ chức kinh tế thế giới và Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách thông thoáng, thu hút các Công ty nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, với nhiều khu công nghiệp mới mở cũng là cơ hội rất lớn cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Nam Kim đưa ra là có tính khả thi và có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Nam Kim đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

- 16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim. Không có.**
- 17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán niêm yết. Không có.**

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Cổ phiếu niêm yết

- **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông.
- **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu.
- **Tổng số chứng khoán niêm yết:** 23.000.000 cổ phần.
- **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo qui định của Pháp luật hoặc tổ chức niêm yết:**

Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim là **11.939.500** cổ phần, chiếm **51,91%** vốn điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- + Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng 100% số cổ phiếu sở hữu trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong 6 tháng tiếp theo của các cổ đông là thành viên HĐQT, BKS, BGD, KTT Công ty Cổ phần Thép Nam Kim theo qui định của Luật Chứng khoán và Nghị định số 14/2007 ND-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ là 10.845.800 cổ phần, chiếm 47,15% vốn điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

Tên cổ đông	Chức vụ	Số CPSH	Số CP HCCN
a. Thành viên HĐQT		10.818.800	10.818.800
1. Hồ Minh Quang (*)	Chủ tịch	3.378.800	3.378.800
2. Trần Uyên Nhân	Thành viên	4.930.000	4.930.000
2.1. Công ty TNHH Thép Trường Giang	(*)(*)(*)	1.800.000	1.800.000
3. Hồ Tấn Thắng	Thành viên	660.000	660.000
4. Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên	50.000	50.000
b. Ban Tổng Giám đốc		0	0
1. Hồ Minh Quang	Tổng Giám đốc	Nhu phần HĐQT	
c. Thành viên Ban kiểm soát		2.000	2.000
1. Phan Thị Vân Anh (*)(*)	Trưởng BKS	2.000	2.000
d. Kế toán trưởng		25.000	25.000
1. Nguyễn Thị Huệ (*)(*)	Kế toán trưởng	25.000	25.000
Tổng cộng		10.845.800	10.845.800

(*)HCCN 3.378.800 CP trong 6 tháng và 1 năm kể từ ngày niêm yết; trong đó có 79.300 CP bị HCCN từ ngày 23/06/2010 đến 23/06/2014 theo Quy chế phát hành cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV chủ chốt của Công ty.

(*)(*) HCCN 100% CP trong 6 tháng và 1 năm kể từ ngày niêm yết; đồng thời số cổ phiếu này bị HCCN từ ngày 23/06/2010 đến 23/06/2014 theo Quy chế phát hành cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV chủ chốt của Công ty.

(*)(*)(*) Công ty TNHH Thép Trường Giang là cổ đông chiến lược của Thép Nam Kim. Đại diện pháp luật của Thép Trường Giang là bà Trần Uyên Nhân – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty. Bà Nhân là thành viên HĐQT của Thép Nam Kim nên cổ phần sở hữu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo Nghị định số 14/2007/NĐ-CP và Nghị định 01/2010/NĐ-CP.

+ Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của các cổ đông chiến lược là 2.800.000 cổ phiếu, chiếm 12,17% vốn điều lệ Công ty. Hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày 23/06/2010 đến 23/06/2011 theo Nghị định 01/2010/NĐ-CP ngày 04/01/2010 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số ĐKKD	Số CPSH	Số CP HCCN
1	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	27GP/KDBH	1.000.000	1.000.000
2	Công ty TNHH Thép Trường Giang	4102068963	1.800.000	1.800.000
CỘNG			2.800.000	2.800.000

+ Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của các cổ đông là CBCNV là 15 người sở hữu với số lượng 93.700 cổ phần (Trong tổng số 200.000 cổ phần ưu đãi phát hành cho CBCNV bao gồm cả 03 cổ đông chủ chốt là ông Hồ Minh Quang, bà Thị Vân Anh và bà Nguyễn Thị Huệ như đã nêu tại phần trên), chiếm 0,40% vốn điều lệ. Đây là cổ phiếu ưu đãi phát hành cho cán bộ chủ chốt của công ty bị hạn chế 03 năm kể từ ngày 23/06/2010 đến 23/06/2014 theo quy chế phát hành cho cán bộ công nhân viên. Cụ thể, cổ phiếu sẽ bị hạn chế 100% trong vòng 01 năm đầu tiên kể từ thời điểm phát hành, 80% trong năm thứ 2 và 40% còn lại trong năm thứ 3. Sau 3 năm kể từ thời điểm phát hành, toàn bộ cổ phiếu của CBCNV sẽ được tự do chuyển nhượng.

2. **Giá niêm yết dự kiến: 25.000 đồng/cổ phần** (Hai mươi lăm ngàn đồng)

3. **Phương pháp tính giá:**

❖ *Xác định Giá trị sổ sách*

– Giá trị sổ sách của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim tại thời điểm 31/12/2009 được xác định (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) là:

Tài sản – Nợ phải trả – TSCĐ vô hình 166.740.775.995

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Tài sản} - \text{Nợ phải trả} - \text{TSCĐ vô hình}}{\text{Số cổ phần đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ}} = \frac{166.740.775.995}{15.000.000} = 11.116$$

Số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ 15.000.000 (đồng/CP)

– Giá trị sổ sách của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim tại thời điểm 30/09/2010 được xác định (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) là:

Tài sản – Nợ phải trả – TSCĐ vô hình 330.350.395.067

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Tài sản} - \text{Nợ phải trả} - \text{TSCĐ vô hình}}{\text{Số cổ phần đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ}} = \frac{330.350.395.067}{23.000.000} = 14.363$$

Số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ 23.000.000 (đồng/CP)

❖ **Xác định giá trị cổ phiếu theo phương pháp P/E (Price/EPS)**

Sử dụng phương pháp P/E (so sánh giá trị cổ phiếu trên thị trường/thu nhập trên mỗi cổ phiếu) của công ty vào thời điểm 04/01/2011 để làm cơ sở dự kiến giá niêm yết. Phương pháp tính toán như sau:

a. Tính toán chỉ số giá cổ phiếu/thu nhập mỗi cổ phiếu (P/E) của doanh nghiệp:

Nam Kim là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh tôn thép, chủ yếu là sản xuất tôn mạ màu, tôn mạ kẽm, thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm từ thép cuộn; Đồng thời Nam Kim là công ty chưa niêm yết nên không đủ cơ sở để xác định chính xác giá thị trường của Công ty tại thời điểm này, nên giá niêm yết dự kiến của Nam Kim sẽ được xác định dựa trên P/E của các công ty cùng ngành đã được niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

Theo Bản tin thị trường ngày 04/01/2011 công bố và theo tính toán của đơn vị tư vấn, chỉ số P/E của các Công ty cùng ngành như sau:

Số TT	Mã CK	Tên Công ty	P/E	P/B
1.	HSG	Công ty cổ phần Tập đoàn Thép Hoa Sen	7,56	1,35
2.	DTL	Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc	2,76	1,25

Dựa trên số liệu này, Đơn vị tư vấn và Công ty Cổ phần Thép Nam Kim thống nhất lựa chọn mức P/E là 5,16 để xác định giá.

b. Tính toán lại thu nhập trên mỗi cổ phiếu:

Thời gian	Vốn điều lệ (đồng)	Lợi nhuận sau thuế (đồng)
Quý IV/2009	150.000.000.000	33.855.814.206
Quý I/2010	150.000.000.000	22.474.171.971
Quý II/2010	230.000.000.000	40.590.082.113
Quý III/2010	230.000.000.000	22.636.877.621
Cộng		119.556.945.911
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân:		19.000.000 cổ phiếu
EPS điều chỉnh		6.292

c. Tính toán giá cổ phiếu

Giá cổ phiếu niêm yết (P) dự kiến = P/E x Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)
 = 5,16 x 6.292 = 32.46 đồng

(Làm tròn số: 32.000 đồng (Ba mươi hai ngàn đồng))

❖ **Xác định giá trị cổ phiếu theo phương pháp so sánh chỉ số P/B (so sánh giá trị thị trường /Giá trị sổ sách)**

Công thức tính như sau:

$$P/B = \frac{\text{Giá thị trường tại thời điểm tính toán (Market price)}}{\text{Giá trị sổ sách tại thời điểm tính toán (Book value per share)}}$$

Giá trị cổ phiếu Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được xác định là:

$$P/B(BQ) = 1,3 \text{ lần} \Leftrightarrow P = B \times 1,3 = 14.363 \times 1,3 = 18.672 \text{ đồng/cổ phần}$$

(Làm tròn số: 19.000 đồng (Mười chín ngàn đồng))

Qua các phương pháp tính toán thì giá cổ phiếu Nam Kim nằm trong khoảng từ 19.000 đến 32.000 đồng/cổ phiếu, và do Nam Kim là doanh nghiệp lần đầu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh nên biên độ giá trong ngày giao dịch đầu tiên sẽ là +/- 20%, do đó đơn vị Tư vấn và Doanh nghiệp thống nhất mức giá dự kiến cho cổ phiếu Công ty Cổ phần Thép Nam Kim trong ngày giao dịch đầu tiên là **25.000 đồng/cổ phần**.

4. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Khi Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam qui định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của một tổ chức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài có thể thay đổi theo các quy định của pháp luật tại thời điểm tương ứng. Hiện nay tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần Thép Nam Kim là 0 cổ phần, chiếm 0,0% vốn Điều lệ Công ty.

5. Các loại thuế liên quan:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% lợi nhuận thu được hàng năm.

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu: Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan từ 0% đến 10% tùy theo từng mặt hàng nhập khẩu.

Đối với các loại thuế khác: Công ty tuân thủ theo Luật thuế và các chính sách về thuế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 94/CN-UB do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 08/08/2003, Công ty được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi kinh doanh có lãi (năm 2007 và 2008) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm tiếp theo (năm 2009 đến năm 2012).

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT**1. Tổ chức tư vấn**

Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt**
Trụ sở chính: Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 3823187 Fax: (84-4) 3892043
Chi nhánh: 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3914 1993 Fax: (84-8) 3914 1991
Website : www.bvsc.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

Tên Công ty: **Công ty TNHH Kiểm toán BDO Việt Nam**
Địa chỉ: Số 04 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 2220 0237 Fax: (84-8) 2220 0265

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục 1: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**
- 2. Phụ lục 2: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty**
- 3. Phụ lục 3: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008, 2009**
Báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng năm 2010
Báo cáo tài chính Công ty 9 tháng năm 2010
Báo cáo kiểm toán vốn tại thời điểm 30/09/2010
- 4. Phụ lục 4: Các hồ sơ liên quan khác**